



KÍCH HOẠT  
BẢO HÀNH ONLINE

**Công ty TNHH Teka Việt Nam**

Website: [www.teka.com/vi-vn](http://www.teka.com/vi-vn)

Facebook: [tekavietnam.cookwithlove](https://www.facebook.com/tekavietnam.cookwithlove)

Instagram: [www.instagram.com/tekavietnam/](https://www.instagram.com/tekavietnam/)

Youtube: [www.youtube.com/Tekavietnam-CookwithLove](https://www.youtube.com/Tekavietnam-CookwithLove)

LinkedIn: [www.linkedin.com/company/tekavietnam](https://www.linkedin.com/company/tekavietnam)

**HOTLINE: 18007227**



# CATALOGUE

2024 - 2025







TEKA

# Teka

Thiết bị bếp cao cấp đến từ Châu Âu

**Giới thiệu tập đoàn Teka** **04**

**Sản phẩm**

|                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| Lò nướng – Lò hấp – Lò tích hợp | <b>10</b>  |
| Lò vi sóng                      | <b>34</b>  |
| Máy pha cà phê                  | <b>42</b>  |
| Bếp                             | <b>44</b>  |
| Máy hút mùi                     | <b>68</b>  |
| Chậu rửa                        | <b>84</b>  |
| Vòi rửa                         | <b>102</b> |
| Tủ lạnh – Tủ rượu               | <b>108</b> |
| Máy rửa chén                    | <b>116</b> |
| Ý nghĩa biểu tượng              | <b>122</b> |



# TẬP ĐOÀN TEKA

## GIẢI PHÁP TỔNG THỂ CHO KHÔNG GIAN BẾP

Teka có lịch sử 100 năm hình thành và phát triển, từ xuất phát điểm chế tạo máy móc nông nghiệp, cho đến nay, trở thành một trong những thương hiệu thiết bị gia dụng lớn nhất thế giới.

### Năm 1924-1957: bắt đầu sự nghiệp đầu tiên

Khởi đầu là một công ty máy nông nghiệp tại Đức, không lâu sau đó bắt đầu mở rộng sang lĩnh vực thép không gỉ. Teka theo đuổi lĩnh vực này trong suốt những năm đầu, đánh dấu sự ra đời của những sản phẩm mang thương hiệu Teka.

### Năm 1958 - 1969: Sự mở rộng và thâm nhập thị trường quốc tế

Teka thiết lập nhà máy tại Tây Ban Nha, bắt đầu thời kỳ bùng nổ ra thị trường quốc tế và toàn cầu. Đầu tiên là ở Châu Âu sau đó là các lục địa còn lại. Danh mục các sản phẩm ngày càng được mở rộng bao gồm các sản phẩm chất lượng cao dành cho nhà bếp và nhà tắm.

### Năm 1970 - 2021: Tăng trưởng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm

Tiến vào giai đoạn này, Teka không ngừng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Sự đa dạng hóa sản phẩm của Teka đã giúp củng cố vị thế của thương hiệu trên thị trường toàn cầu.

### Năm 2024: Tiến vào kỷ nguyên số và phát triển bền vững

Teka kỷ niệm 100 năm thành lập, 100 năm có mặt trong hàng triệu gian bếp trên toàn thế giới. Teka đang tập trung vào việc áp dụng công nghệ mới và các giải pháp thông minh trong sản phẩm, để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao lại hoàn toàn thân thiện với môi trường.



THIẾT BỊ NHÀ BẾP



THIẾT BỊ PHÒNG TẮM



THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP



THÙNG CHỨA BẰNG THÉP KHÔNG GỈ



# GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU

**Teka mong muốn cùng bạn chia sẻ niềm vui, hạnh phúc trong căn bếp thân thương mỗi ngày.**



CHẤT LƯỢNG



CÔNG NGHỆ ƯU VIỆT



ĐAM MÊ



CHIA SẺ

**Teka đã có mặt trên toàn cầu và có 15 nhà máy đang hoạt động khắp tại Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ. Sản phẩm của Teka đã có mặt tại hơn 120 quốc gia và có thể sản xuất hơn 15 triệu sản phẩm mỗi năm.**

# 100 Năm Những khoảnh khắc Ý nghĩa

Từ năm 1924, Teka đã trở thành một phần không thể thiếu trong mỗi ngôi nhà, đồng hành cùng hàng triệu người dùng trong cuộc sống hàng ngày. Trong 100 năm qua, Teka đã chứng kiến vô số khoảnh khắc khó quên diễn ra ngay tại gian bếp - trung tâm của ngôi nhà.

Trong suốt những năm qua, Teka không ngừng đổi mới, mang đến những cải tiến cách mạng cho nhà bếp và thiết kế, tiêu biểu như các thiết bị bếp lắp âm hoặc bếp điện kết hợp.

Tất cả những điều này nhằm mục đích luôn ở bên bạn và biến căn bếp của bạn thành một không gian độc đáo.









1955

**Helmut Klein**  
gia nhập công ty  
với tư cách là đối tác.

Teka đạt được thành công lớn  
tại Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á,  
Châu Phi và Trung Đông.

Với đội **bóng ném** của mình,  
Teka đã một lần giành được Cúp châu Âu,  
một lần là Giải vô địch thế giới các câu lạc bộ  
và hai lần là **Cúp vô địch EHF Cup**.



Teka mở các nhà máy mới  
ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha,  
Hungary, Mexico và Indonesia.



Teka mở nhà máy  
ở **Zaragoza** (Tây Ban Nha).



1924

1960

1970

1980

1990

**Karl Thielmann**  
thành lập ra công ty sản xuất  
máy móc nông nghiệp tại Đức.

Teka được thành lập ở Tây Ban Nha  
và bắt đầu mở rộng quy mô ra thị trường quốc tế,  
đầu tiên là ở Châu Âu và sau đó là ở các châu lục còn lại.



Trong những năm đầu tiên, Teka chỉ sản xuất **bồn rửa**.  
Sau đó mở rộng danh mục sản phẩm và bắt đầu sản xuất **bếp**,  
**lò nướng và máy hút mùi**.

Teka bắt đầu tham gia vào  
lĩnh vực đua xe đạp chuyên nghiệp.  
Đội đua xe đạp Teka đã trở thành  
một trong những đội đua xe đạp  
hàng đầu thế giới.



Teka bắt đầu tài trợ cho  
**Câu lạc bộ bóng đá Real Madrid** và  
**Câu lạc bộ bóng rổ Real Madrid**  
cho đến năm 2000.



2015

Câu lạc bộ bóng rổ của Real Madrid do Teka tài trợ đã vô địch **giải bóng rổ Euroleague**.



2016

Teka chi mạnh tay, đầu tư lớn nhất trong lịch sử từ khi hình thành của thương hiệu để nâng cấp các nhà máy và thiết kế để ra cho mắt dòng sản phẩm **Wish** với tất cả các thiết bị gia dụng.

2019

Teka ra mắt ý tưởng thiết kế mới: **Infinity Design** - một dự án mới nhằm mang thiết kế đẹp nhất đến mọi ngôi nhà. Với tuyên bố **"Mọi người đều xứng đáng có một thiết kế tuyệt vời"**

INFINITY ∞ DESIGN

Teka bắt đầu tài trợ cho lĩnh vực nghệ thuật.



**Bảo tàng Hiện đại**  
Buenos Aires

**Bảo tàng Franz Mayer**  
CDMX

**Bảo tàng Nghệ thuật**  
**Hiện đại Châu Âu**  
Barcelona

**Bảo tàng Thyssen**  
Bornemisza - Madrid

2024

2000



Teka mở thêm nhà máy mới ở Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc.

2010

2020

2019

Teka đã cập nhật logo của mình để hoàn thiện hình ảnh thương hiệu.

**TEKA**

Ngày nay, sản phẩm Teka đã có mặt tại **100 triệu gia đình** trên toàn thế giới.

2018

Teka giới thiệu hình ảnh và slogan mới của mình:

**Cook your way to life**  
**"Nấu ăn định hình cuộc sống"**

Teka đã thực hiện chiến dịch tiếp thị lớn nhất trong lịch sử của mình: "Cook your way to life", bao gồm một đoạn phim ngắn dài hai phút **được hơn 13 triệu người xem** trong tháng đầu tiên.

2022

Teka ra mắt **Infinity | G1**, phiên bản độc quyền được thiết kế bởi studio danh tiếng **ItalDesign Giugiaro** của Ý





## LÒ NƯỚNG

---

Dòng sản phẩm lò nướng từ Teka có thiết kế sang trọng, dễ dàng sử dụng, điện năng tiêu thụ thấp. Giúp bạn thực hiện mong muốn trở thành đầu bếp chuyên nghiệp tại gia.







# Lò nướng iOven

Đễ dàng với **cảm ứng hiện đại**

50 công thức



Cảm ứng hoàn toàn

Cảm biến  
dò nhiệt



Hệ thống ray trượt  
toàn phần

Công nghệ vệ sinh kép:  
Nhiệt phân + Hơi nước



Khay nướng đa năng





# MÀN HÌNH CẢM ỨNG HOÀN TOÀN

Bảng điều khiển với màn hình cảm ứng TFT 5 inch sắc nét tràn viền. Bạn có thể dễ dàng lựa chọn các công thức nấu ăn được lập trình sẵn trên màn hình với màu sắc và thiết kế bắt mắt chỉ bằng một ngón tay.



## KHAY NẤU ĐA NĂNG STEAMBOX

Khay nấu SteamBox có thể biến lò nướng của bạn thành lò hấp, chiên hoặc xào nhờ các phụ kiện hỗ trợ đa dạng. Từ đây các món ăn của bạn sẽ được giữ nguyên hương vị và các chất dinh dưỡng cần thiết.



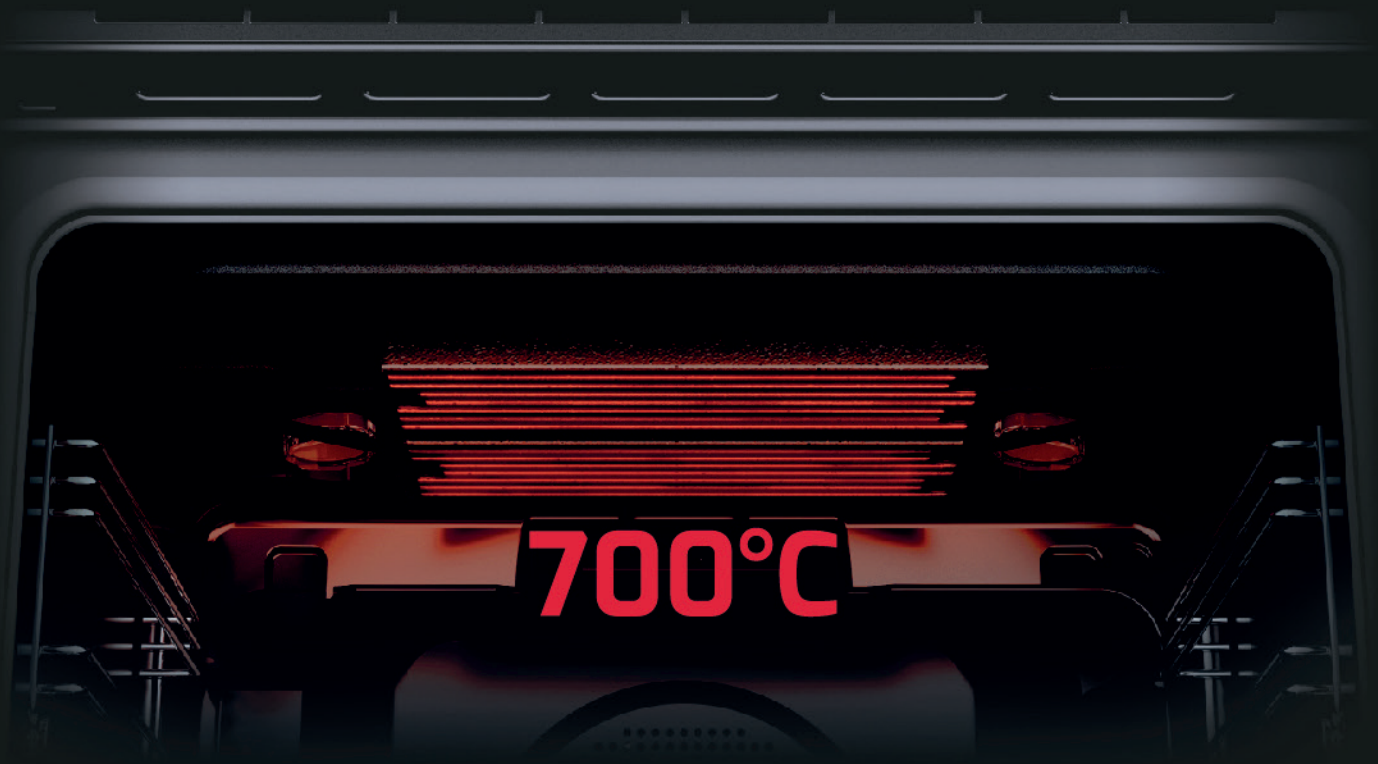


# STEAK X MASTER

Thưởng thức món Steak  
với chất lượng nhà hàng 5 sao  
ngay tại nhà.

**Tại sao không?**





## LÒ NƯỚNG ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT NƯỚNG STEAK HOÀN HẢO

Lò nướng SteakMaster có nhiệt độ lên đến 700°C và kết hợp với vỉ nướng bằng gang chuyên dụng dành cho nướng steak. Việc của bạn là chỉ cần chọn và cắt thịt phần còn lại lò nướng sẽ làm để cho ra được món Steak ngon như nhà hàng!





## Khám phá Lò Nướng **MAESTRO PIZZA**

Với Maestro pizza bạn có thể làm được pizza mang đúng hương vị truyền thống chỉ trong 3 phút



*Become a*  
**PIZZA**  
**LEGEND**







# KẾT QUẢ HOÀN HẢO

Sự kết hợp giữa nhiệt độ cao với đá nướng pizza để cho ra những chiếc bánh nóng hổi với đế bánh giòn tan, nhân bánh mềm chuẩn vị pizza Ý.

## PIZZA *napolitana*

1

### NHIỆT ĐỘ

Nhiệt độ cao nhất 340°C hoàn hảo để hoàn thiện món bánh pizza

340°C

2

### ĐÁ NƯỚNG PIZZA

Cung cấp nhiệt độ đồng nhất và hấp thụ độ ẩm cao



3

### TỐC ĐỘ

Chỉ trong 3 phút sẽ có được chiếc bánh pizza đúng chuẩn



4

### XÈNG LẤY BÁNH PIZZA

Xèng lấy bánh pizza bằng thép không gỉ, giúp lấy bánh pizza ra dễ dàng





# HORNO AIRFRY

Lò nướng không dầu sẽ mang lại những món ăn tốt cho sức khỏe của cả gia đình một cách dễ dàng và nhanh chóng.



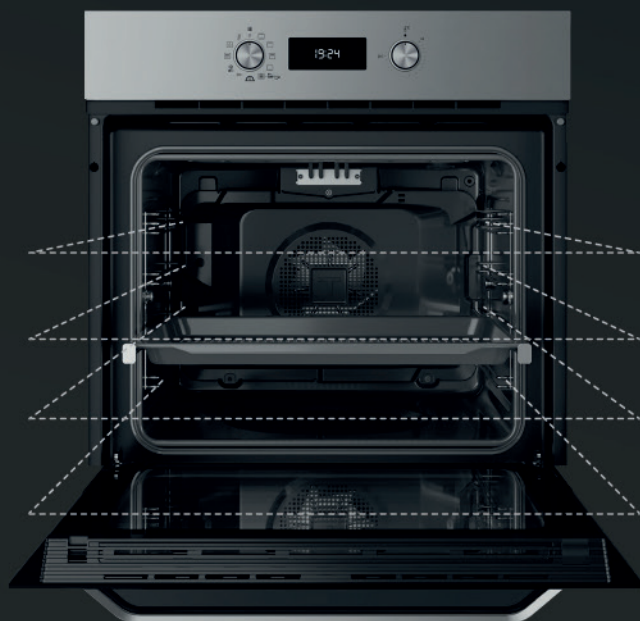
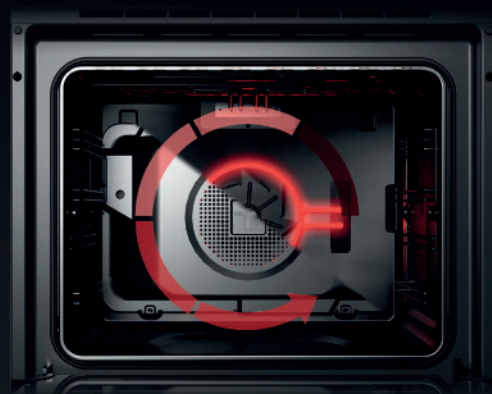


## FryMaster Box Không cần đảo món ăn

Khay nướng thiết kế đục lỗ giúp hơi nóng lưu thông đều lên thực phẩm, làm cho thức ăn chín đều mà không cần phải đảo.

## Công nghệ SurroundTemp

Luồng khí trong lò sẽ được phân tán đều để tạo ra được món ăn vàng giòn đồng nhất.



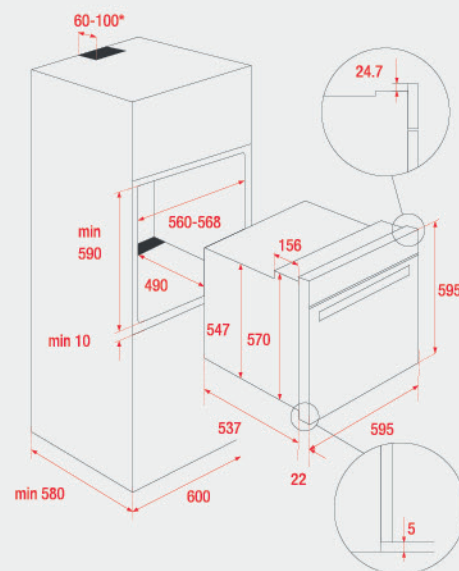
## Tiết kiệm không gian bếp

Với lò nướng có chức năng chiên không dầu bạn có thể chế biến hầu hết các món ăn mà không cần thêm sản phẩm nào khác. Ngoài ra, nhờ hệ thống ray trượt toàn phần giúp việc xử lý thức ăn trên khay nướng một cách dễ dàng và an toàn hơn.

## MAESTRO iOVEN

Code: 41560160

**Giá: 62.579.000 VND**



- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 50 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 18 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng với màn hình TFT 5 inch màu sắc sống động và sắc nét
- . Chức năng nấu chậm, lên men, rã đông, làm nóng nhanh và các chức năng cài đặt sẵn cho các loại thực phẩm khác nhau
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay nướng, 01 khay đáy sâu, 01 khay hấp Steambox, 02 vỉ nướng, 02 bộ thanh trượt và 01 thanh dò nhiệt độ thực phẩm
- . Công suất định danh tối đa: 3198W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.





## MAESTRO STEAKMASTER BK-SS

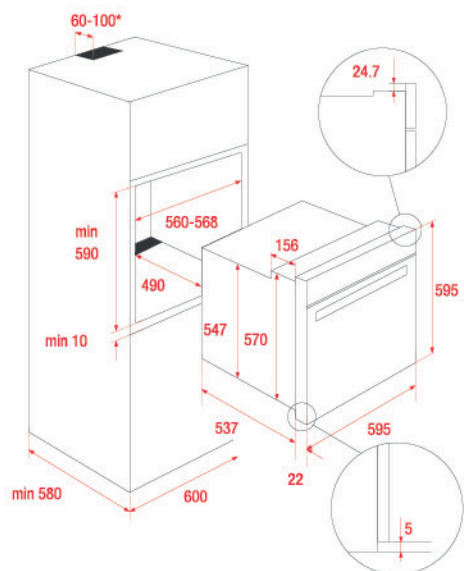
Code: 111000026

Giá: 61.149.000 VNĐ



- . Lò nướng đối lưu với chức năng nướng Steak chuyên nghiệp
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/63 lít
- . Công suất nướng cao nhất 700°C phù hợp cho chức năng nướng Steak
- . 13 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . 20 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . Chức năng vệ sinh kép: vệ sinh lò bằng hơi nước (HydroClean) và nhiệt phân (Pyrolysis)
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 04 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng bằng gang chuyên dụng cho nướng Steak, 01 vỉ nướng và 02 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3518W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



## MAESTRO AIR FRY HLB 8416 BK

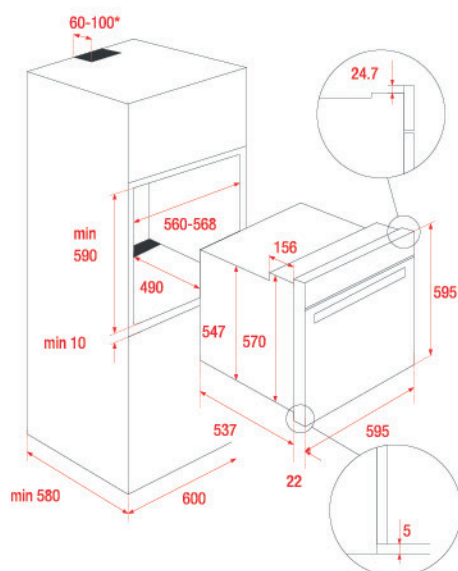
Code: 111000048

Giá: 31.889.000 VNĐ



- . Lò nướng đối lưu có chức năng chiên không dầu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . Chức năng Airfry với khay nướng thiết kế đục lỗ
- . 9 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng lò nhanh
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay nướng, 01 khay đáy sâu, 01 khay nướng đục lỗ Airfry, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3215W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



# HORNO AIRFRY

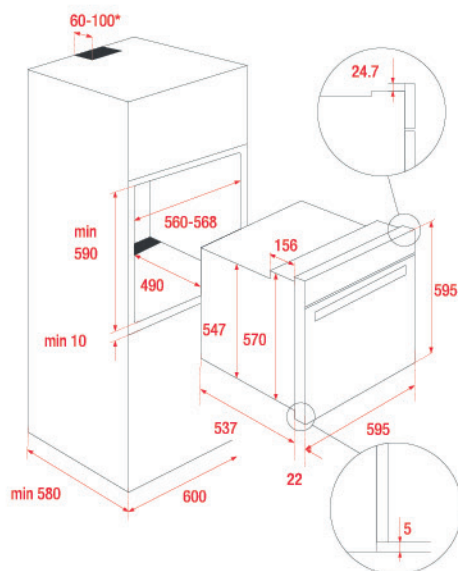




## MAESTRO PIZZA HLB 8510 P

Code: 111000049

Giá: 36.949.000 VND



- . Lò nướng đối lưu có chức năng nướng pizza chuyên nghiệp
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . Công suất nướng cao nhất 340°C phù hợp cho chức năng nướng Pizza
- . 8 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng lò nhanh
- . Chức năng vệ sinh kép: vệ sinh lò bằng hơi nước (HydroClean) và nhiệt phân (Pyrolysis)
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 4 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay nướng, 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Phụ kiện đặc biệt kèm theo:
  - + Vỉ đá nướng bánh đặc biệt dành cho pizza
  - + Xẻng lấy bánh pizza bằng thép không gỉ
- . Công suất định danh tối đa: 3552W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

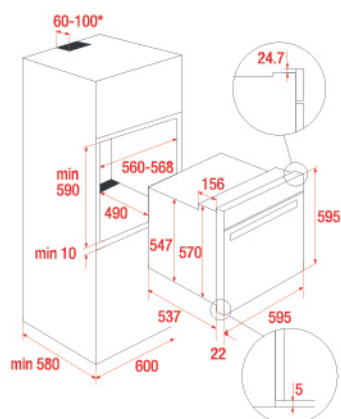
\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



## MAESTRO HLB 8600 BK

Code: 111000010

Giá: 34.089.000 VNĐ



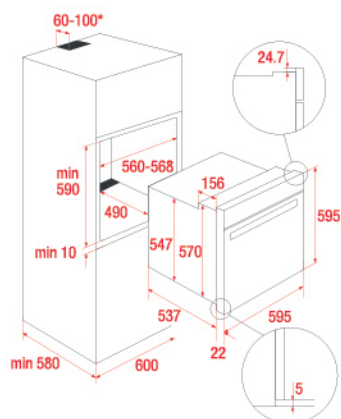
- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 20 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 12 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng nhanh
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3215W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## MAESTRO HLB 8600 SM

Code: 111000013

Giá: 34.089.000 VNĐ



- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 20 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 12 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng nhanh
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3215W

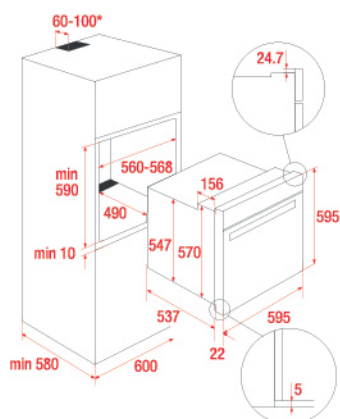
**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## MAESTRO HLB 8415

Code: 111000052

**Giá: 30.789.000 VNĐ**



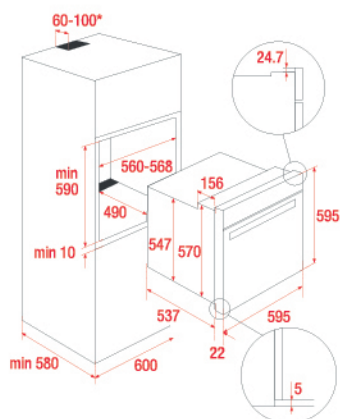
- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 20 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 09 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng nhanh
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng, 01 khay hấp Steambox và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3215W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## MAESTRO HLB 8400 BK

Code: 111000005

**Giá: 26.829.000 VNĐ**



- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 9 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng và nút vặn
- . Chức năng làm nóng nhanh
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp có thể tháo rời
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 3215W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

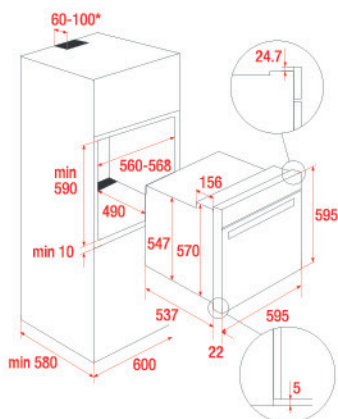
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL HCB 6545 SS

Code: 111020020

**Giá: 21.659.000 VNĐ**



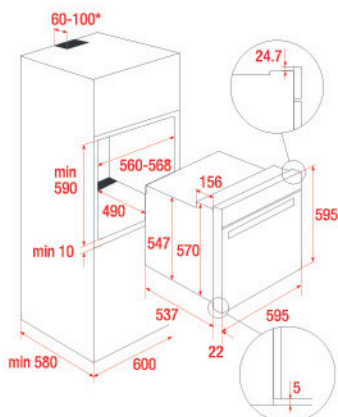
- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 9 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cảm ứng với nút pop-up
- . Chức năng làm nóng nhanh, chức năng nướng TURBO
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean® PRO
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp có thể tháo rời
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- . Công suất định danh tối đa: 2615W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## EASY HCB 6525 SS

Code: 111020029

**Giá: 19.899.000 VNĐ**



- . Lò nướng đối lưu
- . Mức năng lượng A
- . Dung tích (tổng/thực): 71/70 lít
- . 6 chức năng nướng
- . Điều khiển bằng cơ với nút pop-up
- . Chức năng vệ sinh bằng hơi nước HydroClean
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp có thể tháo rời
- . Chức năng làm nóng nhanh
- . Hệ thống tự ngắt điện an toàn khi mở cửa
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu và 01 vỉ nướng
- . Công suất định danh tối đa: 2615W

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha





# LÒ NƯỚNG

SẢN PHẨM

iOVEN

STEAKMASTER BK-SS

HLB 8416 BK

HLB 8510 P

## KÍCH THƯỚC KHOANG LÒ

|                   |     |     |     |     |
|-------------------|-----|-----|-----|-----|
| Cao (mm)          | 364 | 364 | 364 | 364 |
| Rộng (mm)         | 475 | 475 | 475 | 475 |
| Sâu (mm)          | 402 | 402 | 402 | 402 |
| Dung tích NET (L) | 70  | 63  | 70  | 70  |

## THÔNG SỐ CÔNG SUẤT

|                      |      |      |      |      |
|----------------------|------|------|------|------|
| Công suất tổng (W)   | 3198 | 3518 | 3215 | 3552 |
| Thanh nhiệt dưới (W) | 1150 | 1050 | 1150 | 1050 |
| Nướng trên (W)       | 1400 | 2400 | 1400 | 1400 |
| Nướng mạnh (W)       | 2500 | 3450 | 2500 | 2450 |
| Nướng                | 2000 | 2000 | 2000 | 2000 |
| Mô tơ đối lưu (W)    | 22   | 25   | 22   | 25   |
| Đèn khoang lò        | 4    | 2x25 | 25   | 25   |
| Quạt giải nhiệt (W)  | 18   | 30   | 18   | 30   |
| Dây điện nguồn       | 150  | 150  | 150  | 190  |

## HỆ THỐNG AN TOÀN

|                                       |    |    |    |    |
|---------------------------------------|----|----|----|----|
| Hệ thống tự động ngắt kết nối an toàn | có | có | -  | có |
| Khóa trẻ em                           | có | có | -  | có |
| Bảo vệ thanh trở nướng                | có | có | có | có |
| Số lớp kính cửa                       | 3  | 4  | 3  | 4  |

## CHỨC NĂNG VỆ SINH

|                      |    |    |    |    |
|----------------------|----|----|----|----|
| Vệ sinh hơi nước ECO | -  | -  | -  | -  |
| Vệ sinh hơi nước PRO | có | có | có | có |
| Nhiệt phân           | -  | có | -  | có |
| Trắng men khoang lò  | có | có | có | có |

## HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

|                |    |   |    |    |
|----------------|----|---|----|----|
| Mức năng lượng | A+ | A | A+ | A+ |
|----------------|----|---|----|----|



| HLB 8600 BK | HLB 8600 SM | HLB 8415 | HLB 8400 BK | HCB 6545 SS | HCB 6525 SS |
|-------------|-------------|----------|-------------|-------------|-------------|
| 364         | 364         | 364      | 364         | 364         | 364         |
| 475         | 475         | 475      | 475         | 475         | 475         |
| 402         | 402         | 402      | 402         | 402         | 402         |
| 70          | 70          | 70       | 70          | 70          | 70          |
| 3215        | 3215        | 3215     | 3215        | 2615        | 2615        |
| 1150        | 1150        | 1150     | 1150        | 1150        | 1150        |
| 1400        | 1400        | 1400     | 1400        | 1400        | 1400        |
| 2500        | 2500        | 2500     | 2500        | 2500        | -           |
| 2000        | 2000        | 2000     | 2000        | 2000        | -           |
| 22          | 22          | 22       | 22          | 22          | 22          |
| 25          | 25          | 25       | 25          | 25          | 25          |
| 28          | 18          | 18       | 18          | 18          | 18          |
| 150         | 150         | 150      | 110         | 110         | 110         |
| có          | có          | -        | -           | -           | -           |
| có          | có          | -        | -           | -           | -           |
| có          | có          | có       | có          | có          | có          |
| 3           | 3           | 3        | 2           | 2           | 2           |
| -           | -           | -        | -           | -           | -           |
| có          | có          | có       | có          | có          | có          |
| -           | -           | -        | -           | -           | -           |
| có          | có          | có       | có          | có          | có          |
| A+          | A+          | A+       | A+          | A+          | A           |



## LÒ TÍCH HỢP

---

### GIẢI PHÁP HOÀN HẢO CHO KHÔNG GIAN BẾP

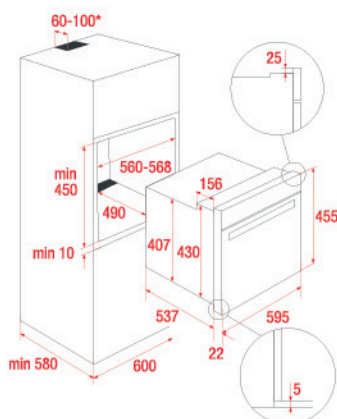
Một chiếc lò nướng nhỏ gọn được tích hợp đầy đủ các chức năng của cả gian bếp phù hợp cho các không gian bếp nhỏ hẹp nhưng vẫn sang trọng.



## MAESTRO HLC 8470 SC BK

Code: 111230011

**Giá: 50.589.000 VNĐ**



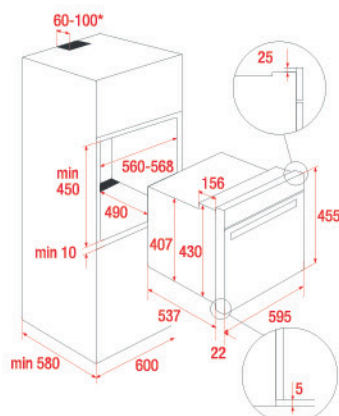
- . Lò hấp kết hợp nướng
- . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
- . Dung tích (tổng/thực): 45/44 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với núm xoay
- . 15 chức năng nướng
- . 20 chương trình tự động được cài đặt sẵn
- . Mức nhiệt độ hấp từ 30-100°C
- . Chức năng nấu chậm, khử khuẩn, làm nóng nhanh
- . Hộc đựng nước: 1 lít
- . Chức năng vệ sinh hơi nước HydroClean PRO
- . Cửa kính cách nhiệt 04 lớp
- . Cửa giảm chấn
- . Phụ kiện đi kèm: khay đáy sâu, vỉ nướng, khay hấp, vỉ hấp và que dò nhiệt độ thực phẩm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## MAESTRO HLC 844C BK-SS

Code: 40587602

**Giá: 39.699.000 VNĐ**



- . Lò nướng đối lưu kết hợp vi sóng
- . Dung tích (tổng/thực): 41/40 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
- . 11 chức năng nướng
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 1000W
- . Công suất nướng 2500W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Vệ sinh lò bằng hơi nước HydroClean ECO
- . Hẹn giờ nấu (trì hoãn/ bắt đầu tính năng)
- . Hệ thống tự động ngắt nguồn an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Phụ kiện đi kèm: 01 khay thủy tinh và 01 vỉ nướng

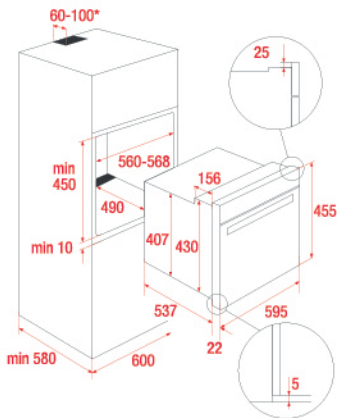
**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

MAESTRO MLC 844 BK-SS

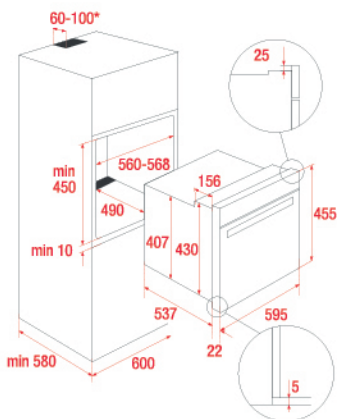
Code: 40584400  
Giá: 31.640.000 VNĐ



- . Lò vi sóng kết hợp nướng
  - . Dung tích (tổng/thực): 45/44 lít
  - . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
  - . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
  - . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 1000W
  - . Công suất nướng 1400W
  - . Rã đông theo thời gian và khối lượng
  - . Hẹn giờ nấu (trì hoãn/ bắt đầu tính năng)
  - . Hệ thống tự động ngắt nguồn an toàn
  - . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp có thể tháo rời
  - . Phụ kiện đi kèm: 01 khay thủy tinh và 01 vỉ nướng
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

MAESTRO HLC 840 BK-SS

Code: 41531020  
Giá: 27.049.000 VNĐ



- . Lò nướng đối lưu
  - . Dung tích (tổng/thực): 45/44 lít
  - . Mức năng lượng A+ tiết kiệm 20% điện năng
  - . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
  - . 9 chức năng nướng
  - . Chức năng rã đông, chức năng nướng tiết kiệm
  - . Vệ sinh lò bằng hơi nước HydroClean® PRO
  - . Chức năng làm nóng nhanh
  - . Cửa kính cách nhiệt 03 lớp có thể tháo rời
  - . Phụ kiện đi kèm: 01 khay đáy sâu, 01 vỉ nướng và 01 bộ thanh trượt
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT  
\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



# LÒ TÍCH HỢP

| SẢN PHẨM                              | HLC 8470 SC BK | HLC 844C BK-SS | MLC 844 BK-SS | HLC 840 BK-SS |
|---------------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
| KÍCH THƯỚC KHOANG LÒ                  |                |                |               |               |
| Cao (mm)                              | 232            | 232            | 232           | 232           |
| Rộng (mm)                             | 475            | 475            | 475           | 475           |
| Sâu (mm)                              | 405            | 365            | 365           | 402           |
| Dung tích NET (L)                     | 44             | 40             | 44            | 44            |
| THÔNG SỐ CÔNG SUẤT                    |                |                |               |               |
| Công suất tổng (W)                    | 3000           | 3400           | 3200          | 3015          |
| Công suất vi sóng (W)                 | -              | 1000           | 1000          | -             |
| Thanh nhiệt dưới (W)                  | 1150           | 1000           | -             | 1150          |
| Nướng trên (W)                        | 1400           | -              | 1400          | 1400          |
| Nướng mạnh (W)                        | 2500           | 2500           | -             | 2500          |
| Nướng Turbo (W)                       | 1800           | 1600           | -             | 1800          |
| Mô tơ đối lưu (W)                     | 22             | 30             | -             | 22            |
| Đèn khoang lò                         | 25             | 25             | 25            | 25            |
| Quạt giải nhiệt (W)                   | 35             | 18             | 18            | 18            |
| Dây điện nguồn                        | 150            | 110            | 110           | 110           |
| HỆ THỐNG AN TOÀN                      |                |                |               |               |
| Hệ thống tự động ngắt kết nối an toàn | có             | có             | có            | -             |
| Khóa trẻ em                           | -              | có             | -             | -             |
| Bảo vệ thanh trở nướng                | có             | có             | có            | có            |
| Số lớp kính cửa                       | 4              | 3              | 2             | 3             |
| CHỨC NĂNG VỆ SINH                     |                |                |               |               |
| Vệ sinh hơi nước ECO                  | -              | có             | -             | -             |
| Vệ sinh hơi nước PRO                  | có             | -              | -             | có            |
| Nhiệt phân                            | -              | -              | -             | -             |
| HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG                  |                |                |               |               |
| Mức năng lượng                        | A+             | -              | -             | A+            |

# LÒ VI SÓNG

---

## NẤU ĂN NHANH CHÓNG, DỄ DÀNG, TIỆN LỢI

Với thiết kế nhỏ gọn, lắp âm dễ dàng, khoang lò thiết kế rộng rãi và được lưu trữ nhiều công thức nấu ăn khác nhau. Đem lại giải pháp hoàn hảo cho mọi gian bếp.



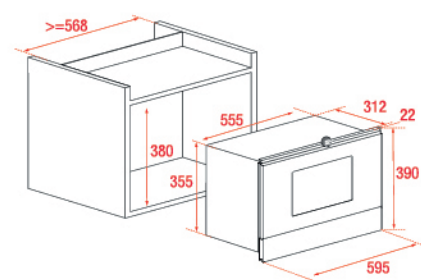




## MAESTRO ML 8220 BIS L SM

Code: 112030004

Giá: 31.499.000 VNĐ



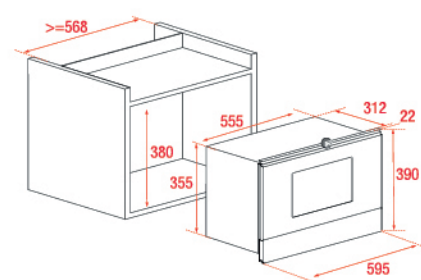
- . Lò vi sóng kết hợp nướng, lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 22/21,56 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
- . 9 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 850W
- . Công suất nướng: 1200W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Chức năng khởi động nhanh
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Đáy lò ceramic giúp nhiệt bên trong lò đều hơn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa làm vàng thực phẩm và 01 vỉ nướng có chân

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## MAESTRO ML 8220 BIS L BK

Code: 112030001

Giá: 31.499.000 VNĐ



- . Lò vi sóng kết hợp nướng, lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 22/21,56 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
- . 9 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 850W
- . Công suất nướng: 1200W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Chức năng khởi động nhanh
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Đáy lò ceramic giúp nhiệt bên trong lò đều hơn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa làm vàng thực phẩm và 01 vỉ nướng có chân

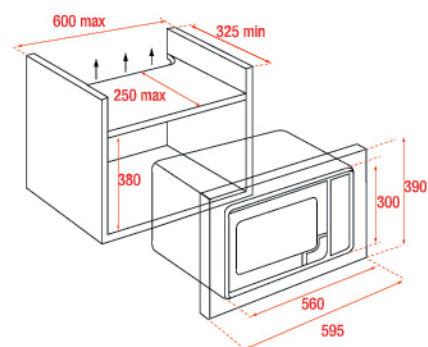
**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



## MAESTRO ML 8200 BIS BK

Code: 112060001

**Giá: 19.459.000 VNĐ**



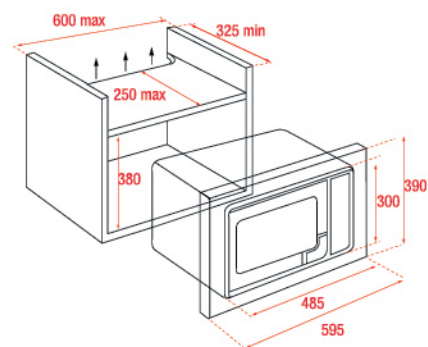
- . Lò vi sóng kết hợp nướng, lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 20/18 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
- . 3 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 750W
- . Công suất nướng: 1000W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Chức năng khởi động nhanh
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa xoay thủy tinh (24cm) và 01 vỉ nướng có chân

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## MAESTRO ML 820 BI BK-SS

Code: 40584201

**Giá: 18.689.000 VNĐ**



- . Lò vi sóng lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 20/18 lít
- . Điều khiển bằng cơ
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 01 chức năng: vi sóng
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 750W
- . Rã đông theo thời gian
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa xoay thủy tinh (24cm)

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

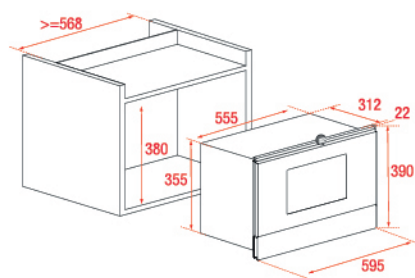
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL MS 622 BIS L SS

Code: 40584100

**Giá: 29.909.000 VNĐ**



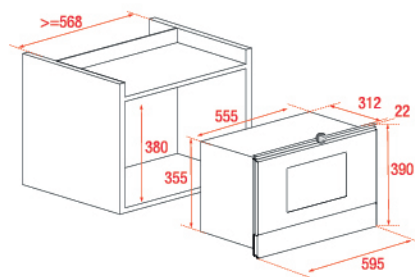
- . Lò vi sóng kết hợp nướng, lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 22/21,56 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vặn
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
- . 2 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 850W
- . Công suất nướng: 1200W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Chức năng khởi động nhanh
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Đáy lò ceramic giúp nhiệt bên trong lò đều hơn
- . Phụ kiện đi kèm: 01 vỉ nướng có chân

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## TOTAL MS 622 BI L SS

Code: 40584102

**Giá: 24.739.000 VNĐ**



- . Lò vi sóng lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 22/21,56 lít
- . Điều khiển bằng cơ
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 01 chức năng: vi sóng
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 850W
- . Rã đông theo thời gian
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Đáy lò ceramic giúp nhiệt bên trong lò đều hơn

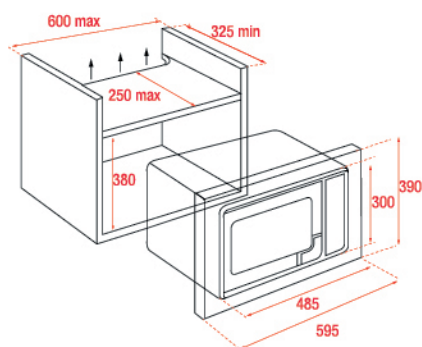
**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



## TOTAL MS 620 BIS SS

Code: 40584010

**Giá: 18.029.000 VNĐ**



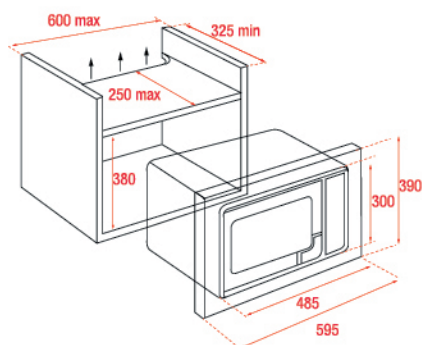
- . Lò vi sóng kết hợp nướng, lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 20/18 lít
- . Màn hình điều khiển cảm ứng với nút vận
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 3 chức năng: vi sóng, vi sóng kết hợp nướng, nướng
- . 3 công thức nấu ăn được cài đặt sẵn
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 750W
- . Công suất nướng: 1000W
- . Rã đông theo thời gian và khối lượng
- . Chức năng khởi động nhanh
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa xoay thủy tinh (24cm) và 01 vỉ nướng có chân

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## EASY MB 620 BI SS

Code: 40584000

**Giá: 16.929.000 VNĐ**



- . Lò vi sóng lắp âm
- . Dung tích (tổng/thực): 20/18 lít
- . Điều khiển bằng cơ
- . Khoang lò bằng thép không gỉ
- . 01 chức năng: vi sóng
- . 5 mức công suất vi sóng, cao nhất 750W
- . Rã đông theo thời gian
- . Hệ thống tự ngắt kết nối an toàn
- . Cửa kính cách nhiệt 02 lớp
- . Phụ kiện đi kèm: 01 đĩa xoay thủy tinh (24cm)

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

# LÒ VI SÓNG

| SẢN PHẨM                  | ML 8220 BIS L SM | ML 8220 BIS L BK | ML 8200 BIS L BK | ML 820 BI BK-SS |
|---------------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|
| KÍCH THƯỚC KHOANG LÒ      |                  |                  |                  |                 |
| Cao (mm)                  | 220              | 220              | 210              | 210             |
| Rộng (mm)                 | 350              | 350              | 305              | 305             |
| Sâu (mm)                  | 280              | 280              | 280              | 280             |
| Dung tích NET (L)         | 22               | 22               | 20               | 20              |
| THÔNG SỐ CÔNG SUẤT        |                  |                  |                  |                 |
| Công suất tổng (W)        | 2500             | 2500             | 1200             | 1200            |
| Công suất vi sóng (W)     | 850              | 850              | 750              | 750             |
| Nướng trên (W)            | 1200             | 1200             | 1000             | -               |
| Dây điện nguồn            | 110              | 110              | 110              | 110             |
| HỆ THỐNG AN TOÀN          |                  |                  |                  |                 |
| Khóa trẻ em               | -                | -                | -                | -               |
| Bộ chỉnh nhiệt an toàn    | có               | có               | có               | có              |
| Tắt lò tự động khi mở cửa | có               | có               | có               | có              |
| Quạt giải nhiệt           | có               | có               | -                | -               |

| SẢN PHẨM                  | MS 622 BIS L SS | MS 622 BI L SS | MS 620 BIS SS | MB 620 BI SS |
|---------------------------|-----------------|----------------|---------------|--------------|
| KÍCH THƯỚC KHOANG LÒ      |                 |                |               |              |
| Cao (mm)                  | 220             | 220            | 210           | 210          |
| Rộng (mm)                 | 350             | 350            | 305           | 305          |
| Sâu (mm)                  | 280             | 280            | 280           | 280          |
| Dung tích NET (L)         | 22              | 22             | 20            | 20           |
| THÔNG SỐ CÔNG SUẤT        |                 |                |               |              |
| Công suất tổng (W)        | 2500            | 1400           | 1200          | 1200         |
| Công suất vi sóng (W)     | 850             | 850            | 750           | 750          |
| Nướng trên (W)            | 1200            | -              | 1000          | -            |
| Dây điện nguồn            | 110             | 110            | 110           | 110          |
| HỆ THỐNG AN TOÀN          |                 |                |               |              |
| Khóa trẻ em               | có              | -              | có            | -            |
| Bộ chỉnh nhiệt an toàn    | có              | có             | có            | có           |
| Tắt lò tự động khi mở cửa | có              | có             | có            | có           |
| Quạt giải nhiệt           | có              | có             | -             | -            |







## MÁY PHA CÀ PHÊ

---

### THƠM NGON – TIỆN LỢI

Đến với Teka chúng tôi sẽ giúp bạn có được một buổi sáng đầy sáng khoái và tỉnh táo nhờ máy pha cà phê thế hệ mới. Chưa bao giờ việc thưởng thức một tách cà phê trở nên dễ dàng và tiện lợi đến thế!



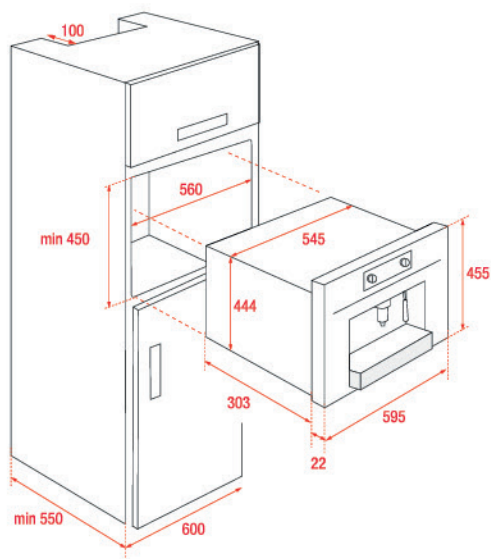


# CHIA SẺ NHỮNG KHOẢNH KHẮC BÊN TÁCH CÀ PHÊ

Máy pha cà phê thế hệ mới Teka sử dụng được đa dạng các kích cỡ viên nén cà phê và cà phê dạng bột.

## MAESTRO CLC 835 MC BK-SS

Code: 40589513  
Giá: 39.640.000 VNĐ



- . Máy pha cà phê lắp âm
  - . Dùng được viên nén cà phê và cà phê bột
  - . Pha cà phê dạng đậm, vừa, nhạt và loãng
  - . Bảng điều khiển điện tử với màn hình TFT
  - . 5 bộ để gắn viên nén cà phê
  - . Đèn LED tự động chiếu sáng
  - . Giá đỡ ly có thể điều chỉnh độ cao
  - . 2 ngăn để ly
  - . Khay trượt
  - . Khay chứa nước 01 lít
  - . Vệ sinh tẩy cặn tự động
  - . Các loại viên nén: Nespresso®, Lavazza®, Caffitaly®, E.S.E
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT  
\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.











## BẾP

### TEKA THỔI HỒN VÀO GIAN BẾP NHÀ BẠN!

Thiết kế độc đáo với nhiều đường nét tinh tế, đa dạng mẫu mã.  
Với bếp điện từ lắp âm, bếp từ kết hợp điện, gas và bếp gas  
phù hợp với nhu cầu của mọi gia đình.





Bếp từ tích hợp hút mùi

Bếp từ với các chức năng nấu tự động thông qua cảm biến nhiệt độ, bảng điều khiển trực quan.

Hút mùi tích hợp hiệu suất cao với tính năng Fresh air sẽ tự khởi động khi bắt đầu bật bếp để nấu. Mức tốc độ hút sẽ được điều chỉnh dựa trên số vùng nấu của bếp đang sử dụng. Hãy cùng tái tạo lại gian bếp với Teka Mastersense Air.







KA

8

P

Power



WORLD



ON/OFF | CONTROL

Induction | 220V | 50/60Hz | 1500W

MASTERBUILT

# Bếp từ DIRECTSENSE

Bếp từ đầu tiên và duy nhất  
có chức năng nấu cơm tự động.



## ĐA DẠNG CHỨC NĂNG VỚI CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ

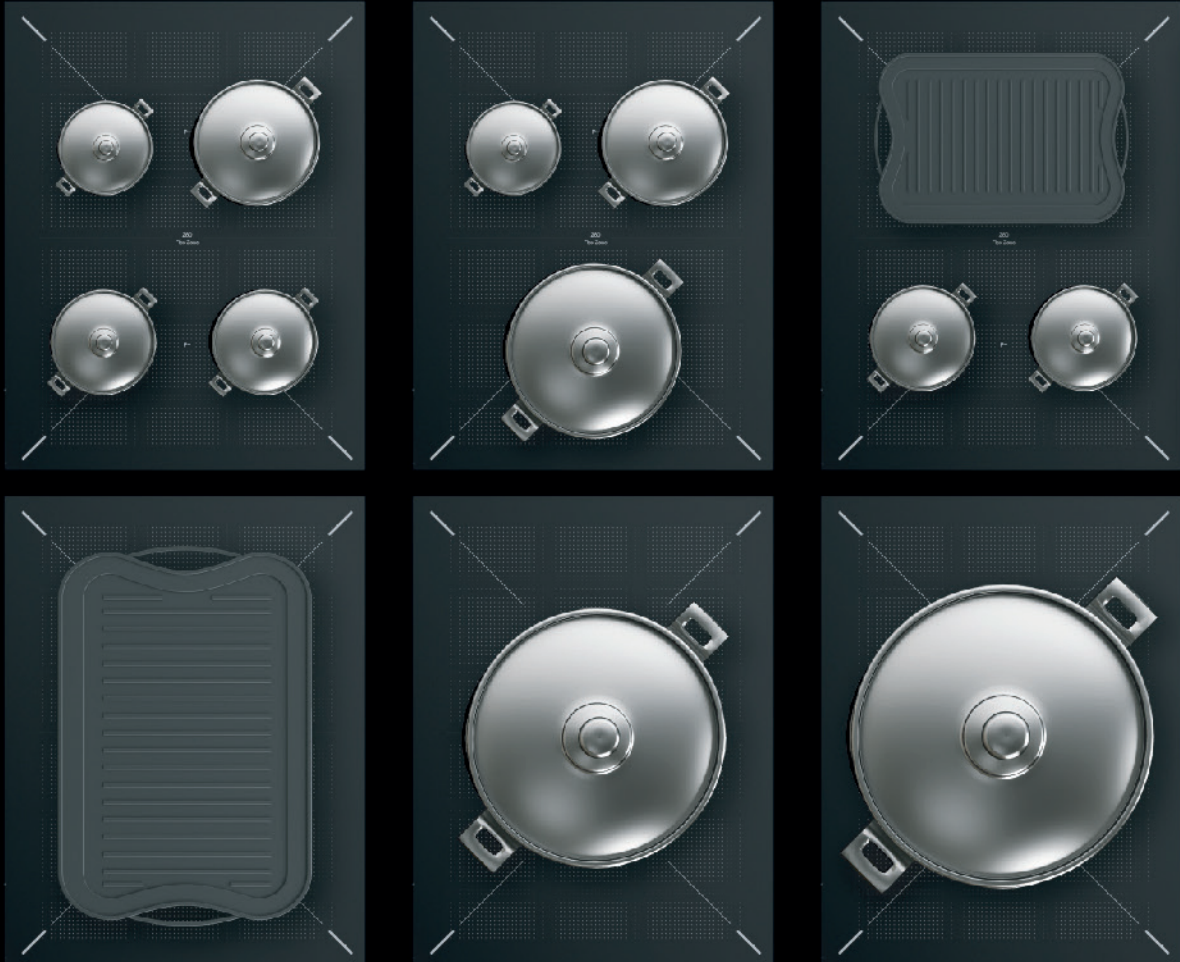
Bếp duy trì nhiệt độ phù hợp cho việc nấu cơm tự động và  
8 chức năng nấu ăn được cài đặt sẵn.





## NẤU ĂN KHÔNG GIỚI HẠN

Nấu ăn không giới hạn nhờ công nghệ FullFlex sử dụng toàn bộ bề mặt nấu. Khu vực linh hoạt được thiết kế để sử dụng được với bất kì dụng cụ nấu ăn có hình dạng khác nhau



## CHỈ CẦN TRƯỢT VÀ NẤU

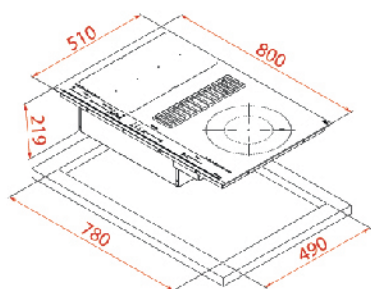
Chỉ cần di chuyển dụng cụ nấu ăn từ vị trí này sang vị trí khác tính năng Slide cooking - trượt nồi gia tăng công suất sẽ thực hiện phần còn lại. Bếp sẽ tự động thay đổi công suất để tạo được sự thuận tiện tối đa.



## MAESTRO MasterSense Air AFC 87628 MST

Code: 112500053

Giá: 84.249.000 VNĐ



- . Bếp điện từ kết hợp hút mùi
- . Tự động kích hoạt hút mùi khi bật bếp

### Bếp điện từ

- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 04 vùng nấu: 03 vùng nấu + 01 vùng nấu kết hợp
- . 09 mức công suất
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng chọn trực tiếp: chần, luộc, nướng, chiên ngập dầu, chiên áp chảo, nấu tan chảy và ninh/hầm
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200 (IH) + 200 (AH)

### Hút mùi

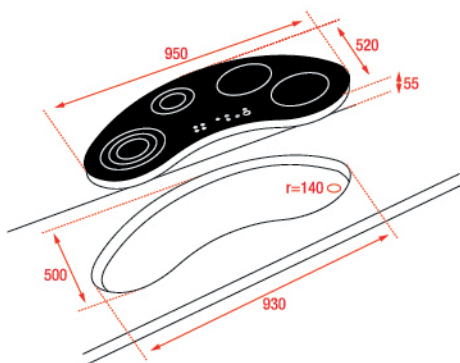
- . Chức năng Freshair
- . Động cơ EcoPower không chổi than
- . 09 mức công suất hút
- . 02 lưới lọc bằng nhôm
- . Công suất hút tối đa 296m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn 43/66dB
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Italia

## MAESTRO IRC 9430 KS

Code: 10210162

Giá: 62.290.000 VNĐ



- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 4 vùng nấu và 1 vùng nấu đồng bộ
- . 4 vùng nấu: 1 bếp ø280mm; 2 bếp ø180mm; 1 bếp ø145mm
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt và vỡ cạnh
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng đun sôi nhanh và nấu ở nhiệt độ thấp
- . Chức năng tạm ngừng hoạt động
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7400W

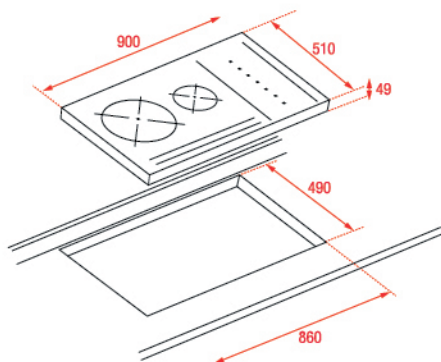
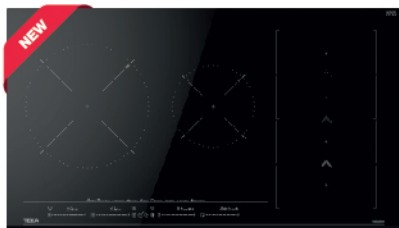
**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## MAESTRO IZS 96700 MST

Code: 112500033

**Giá: 50.919.000 VNĐ**



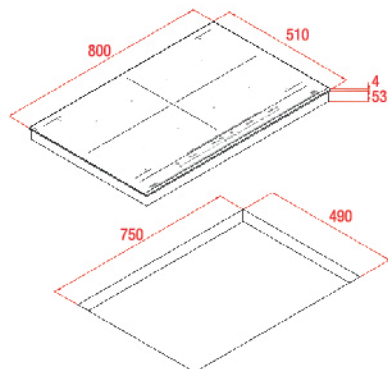
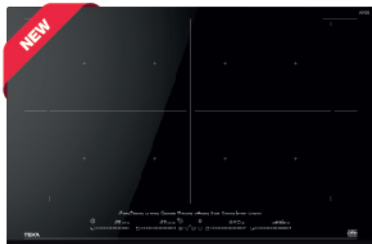
- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 4 vùng nấu: 1 bếp  $\varnothing 280\text{mm}$ ; 2 bếp  $\varnothing 228 \times 200\text{mm}$ ; 1 bếp  $\varnothing 185\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh phía trước
- . Các chức năng chọn trực tiếp: confit, nướng, chiên áp chảo, chiên ngập dầu, hầm, chần sơ và hâm nóng
- . 01 vùng nấu kết hợp
- . 09 mức công suất
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

## MAESTRO DIRECTSENSE IZF 88700 MST BK

Code: 112500029

**Giá: 50.699.000 VNĐ**



- . Bếp điện từ lắp âm DirectSense, có thể nấu các loại xoong nồi có đường kính trên 40cm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 7 vùng nấu (4 vùng nấu đơn  $\varnothing 296,5 \times 197,5\text{mm}$ ; 2 vùng kết hợp đôi và 1 vùng bếp lớn kết hợp toàn phần)
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh phía trước
- . Các chức năng chọn trực tiếp: confit, nấu cơm, nướng, chiên áp chảo, chiên ngập dầu, đun sôi nhanh, hầm, chần sơ, nấu ở nhiệt độ thấp và hâm nóng
- . 09 mức công suất
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7400W

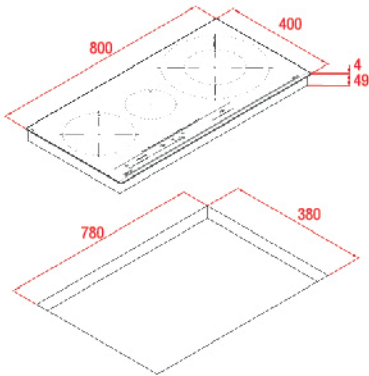
**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

**MAESTRO IZC 83620 MST**

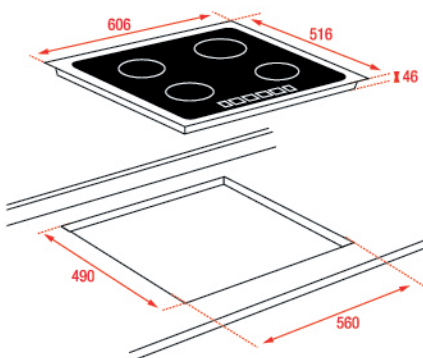
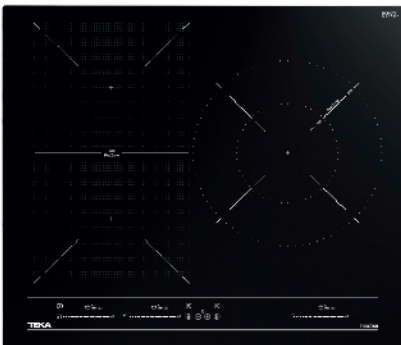
Code: 112500039  
Giá: 37.609.000 VNĐ



- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 3 vùng nấu: 1 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 320/180\text{mm}$ , 1 bếp  $\varnothing 215\text{mm}$ , 1 bếp  $\varnothing 150\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt và vát cạnh phía trước
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng chọn trực tiếp: Confit, nướng, áp chảo, chiên ngập dầu, đun sôi nhanh, hầm, hâm nóng
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

**MAESTRO ITF 65320 MSP**

Code: 112510016  
Giá: 32.549.000 VNĐ



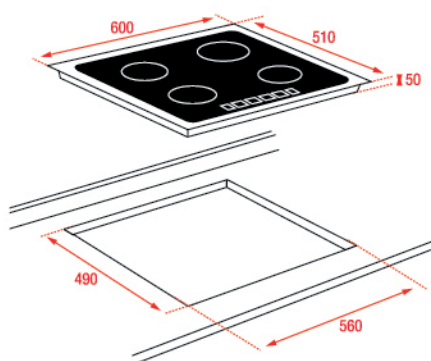
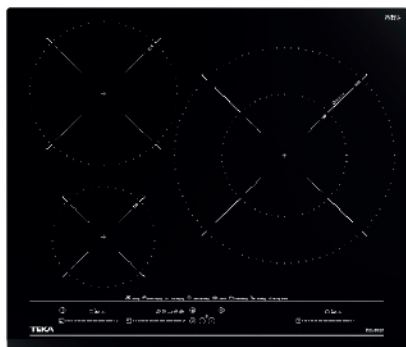
- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 3 vùng nấu: 1 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 150/280\text{mm}$ , 02 vùng  $\varnothing 230 \times 188\text{mm}$  có thể kết hợp thành 01 vùng nấu lớn
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt với khung viền bằng thép không gỉ
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng nấu: hầm, hâm nóng
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## MAESTRO IZC 63630 MST

Code: 112500017

**Giá: 30.789.000 VNĐ**

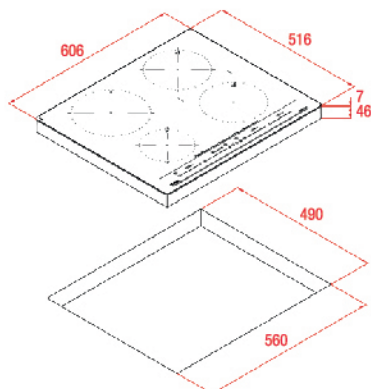
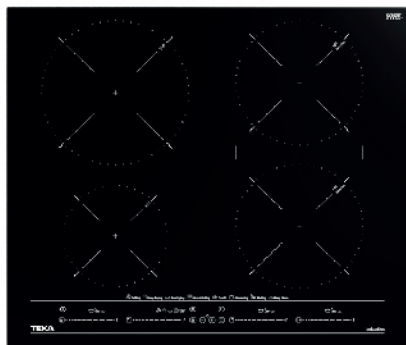


- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 3 vùng nấu: 1 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 320/180\text{mm}$ , 1 bếp  $\varnothing 215\text{mm}$ , 1 bếp  $\varnothing 150\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh phía trước
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng chọn trực tiếp: Confit, nướng, áp chảo, chiên ngập dầu, đun sôi nhanh, hầm, hầm nóng
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Chức năng tạm ngừng hoạt động
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

## TOTAL ITC 64630 MST

Code: 112500023

**Giá: 30.990.000 VNĐ**



- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt với khóa an toàn
- . 4 vùng nấu: 1 vùng  $\varnothing 215\text{mm}$ , 2 vùng  $\varnothing 185\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 150\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt với khung viền bằng thép không gỉ
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng chọn trực tiếp: Confit, nướng, chiên ngập dầu, chiên áp chảo, đun sôi nhanh, hầm và hầm nóng
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Chức năng tạm ngừng hoạt động
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 7200W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL IZ 7200 HL

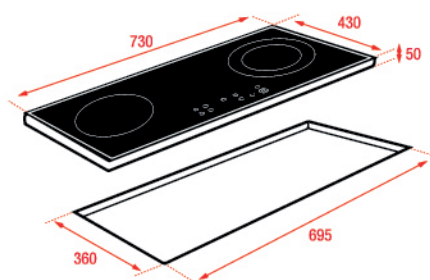
Code: 10210201

**Giá: 26.719.000 VNĐ**



- . Bếp kết hợp từ + điện vitroceramic lắp âm
- . Điều khiển bằng cảm ứng
- . 2 vùng nấu: 1 bếp từ  $\varnothing 210\text{mm}$ , 1 bếp điện có vòng nhiệt đôi  $\varnothing 120/190\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 3800W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## TOTAL IZC 72610 MST BK

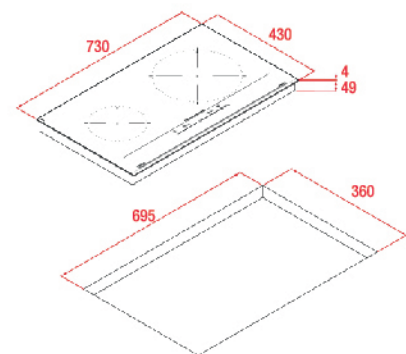
Code: 112500059

**Giá: 22.979.000 VNĐ**



- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 2 vùng nấu: 1 vùng  $\varnothing 215\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 185\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
- . 09 mức công suất
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng chọn trực tiếp: nấu nhanh, chiên ngập dầu, chiên áp chảo, hầm, hâm nóng
- . Chức năng tạm dừng hoạt động STOP & GO
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 3600W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

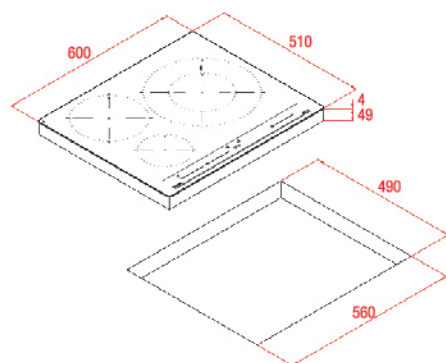




## EASY IBC 63015 M

Code: 112520018

**Giá: 24.959.000 VNĐ**

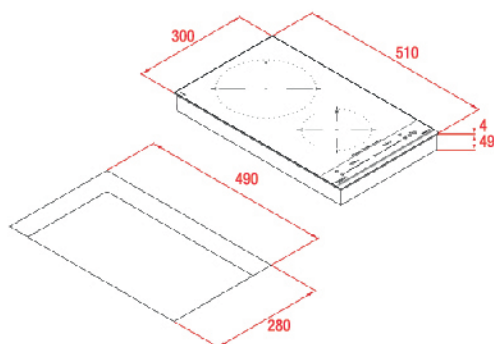


- . Bếp điện từ lắp âm
  - . Điều khiển cảm ứng trượt
  - . 3 vùng nấu: 1 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 160/280\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 180\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 145\text{mm}$
  - . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
  - . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
  - . Hẹn giờ nấu ăn
  - . 09 mức công suất
  - . Khóa an toàn cho trẻ em
  - . Chức năng tạm ngừng hoạt động
  - . Hệ thống tự ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
  - . Đèn hiển thị nhiệt dư
  - . Công suất 7200W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

## MAESTRO IZS 34700 MST

Code: 112530001

**Giá: 18.249.000 VNĐ**



- . Bếp điện từ lắp âm
  - . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
  - . 2 vùng nấu  $\varnothing 255 \times 200\text{mm}$
  - . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
  - . Chức năng trượt nồi gia tăng công suất
  - . Chức năng nấu trực tiếp với cảm biến nhiệt độ: Confit, nướng, chiên ngập dầu, chiên áp chảo, hầm, chần sơ và hâm nóng
  - . 09 mức công suất
  - . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
  - . Hẹn giờ nấu ăn
  - . Hệ thống ngắt bếp an toàn khi quá nhiệt hoặc trào nước
  - . Đèn hiển thị nhiệt dư
  - . Công suất 3600W
- Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

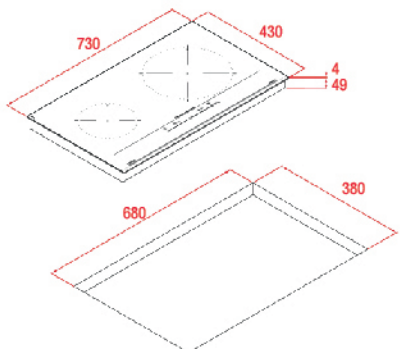
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY IBC 7322 S

Code: 112510040

Giá: 14.619.000 VNĐ



- . Bếp điện từ lắp âm
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt
- . 2 vùng nấu  $\varnothing 205\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Chức năng nấu: chiên ngập dầu, xào, hầm, nấu nhanh và hâm nóng
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 09 mức công suất
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Chức năng tạm dừng hoạt động
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 4600W

**Xuất xứ:** PRC

## EASY DS 3502-P

Code: DS3502P

Giá: 4.990.000 VNĐ



- . Bếp từ đôi độc lập
- . Điều khiển cảm ứng
- . 2 vùng nấu
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa trẻ em
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 3500W

**Xuất xứ:** PRC

## EASY FIC 31T30

Code: 112510005

Giá: 2.200.000 VNĐ



- . Bếp từ đơn độc lập
- . Điều khiển cảm ứng
- . 1 vùng nấu
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . 4 chức năng nấu: chiên, xào, hầm, lẩu
- . Khóa trẻ em
- . Nhận diện nồi chảo phù hợp
- . Phụ kiện đi kèm: nồi nấu lẩu
- . Công suất 2000W

**Xuất xứ:** PRC



BẾP TỪ

| SẢN PHẨM                          | AFC 87628 MST    | IRC 9430 KS | IZS 96700 MST | IZF 88700 MST BK |
|-----------------------------------|------------------|-------------|---------------|------------------|
| KÍCH THƯỚC LẮP ÂM (RxSxCmm)       | 770x490x215      | 930x500x50  | 860x490x49    | 750x490x53       |
| THÔNG SỐ VÙNG NẤU                 |                  |             |               |                  |
| Trước - trái (loại vùng nấu)      | Vùng kết hợp     | 1 vòng từ   | -             | Vùng kết hợp     |
| Trung tâm - trái (loại vùng nấu)  | -                | 1 vòng từ   | 1 vòng từ     | -                |
| Sau - trái (loại vùng nấu)        | Vùng kết hợp     | -           | -             | Vùng kết hợp     |
| Trung tâm - trước (loại vùng nấu) | -                | -           | -             | -                |
| Trung tâm(loại vùng nấu)          | -                | -           | 1 vòng từ     | -                |
| Trung tâm - sau (loại vùng nấu)   | -                | -           | -             | -                |
| Trước - phải (loại vùng nấu)      | -                | 1 vòng từ   | Vùng kết hợp  | Vùng kết hợp     |
| Trung tâm - phải (loại vùng nấu)  | 2 vòng từ        | 1 vòng từ   | -             | -                |
| Sau - phải (loại vùng nấu)        | -                | -           | Vùng kết hợp  | Vùng kết hợp     |
| Trước - trái (mm)                 | 228x200          | 280         | -             | 296.5x197.5      |
| Trung tâm - trái (mm)             | -                | 145         | 280           | -                |
| Sau - trái (mm)                   | 228x200          | -           | -             | 296.5x197.5      |
| Trung tâm - trước (mm)            | -                | -           | -             | -                |
| Trung tâm (mm)                    | -                | -           | 185           | -                |
| Trung tâm - sau (mm)              | -                | -           | -             | -                |
| Trước - phải (mm)                 | -                | 180         | 228x200       | 296.5x197.5      |
| Trung tâm - phải (mm)             | 280/160          | 180         | -             | -                |
| Sau - phải (mm)                   | -                | -           | 228x200       | 262.5x195        |
| Trước - trước (W)                 | 1750-2000        | 2300-3700   | -             | 2400-3700        |
| Trung tâm - trái (W)              | -                | 1400-1800   | 2100-3000     | -                |
| Sau - trái (W)                    | 1750-2000        | -           | -             | 2400-3700        |
| Trung tâm - trước (W)             | -                | -           | -             | -                |
| Trung tâm (W)                     | -                | -           | 1200-1600     | -                |
| Trung tâm - sau (W)               | -                | -           | -             | -                |
| Trước - phải (W)                  | -                | 1800-2500   | 1750-2000     | 2400-3700        |
| Trung tâm - phải (W)              | 2500-3600        | 1800-2500   | -             | -                |
| Sau - phải (W)                    | -                | -           | 1750-2000     | 2400-3700        |
| THÔNG SỐ CÔNG SUẤT                |                  |             |               |                  |
| Công suất tối đa (W)              | 7200(IH)+200(AH) | 7400        | 7200          | 7400             |
| Chiều dài dây nguồn (cm)          | 100              | 150         | 110           | 110              |
| HỆ THỐNG AN TOÀN                  |                  |             |               |                  |
| Khóa trẻ em                       | có               | có          | có            | có               |
| Tự động ngắt an toàn              | có               | có          | -             | -                |
| Cảnh báo nhiệt dư                 | có               | có          | -             | -                |

# BẾP TỪ

| SẢN PHẨM | IZC 83620 MST | ITF 65320 MSP | IZC 63630 MST | ITC 64630 MST |
|----------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|----------|---------------|---------------|---------------|---------------|

|                             |            |            |            |            |
|-----------------------------|------------|------------|------------|------------|
| KÍCH THƯỚC LẮP ÂM (RxSxCmm) | 780x380x49 | 560x490x46 | 560x490x49 | 560x490x46 |
|-----------------------------|------------|------------|------------|------------|

## THÔNG SỐ VÙNG NẤU

|                                   |           |              |           |           |
|-----------------------------------|-----------|--------------|-----------|-----------|
| Trước - trái (loại vùng nấu)      | -         | Vùng kết hợp | 1 vòng từ | 1 vòng từ |
| Trung tâm - trái (loại vùng nấu)  | 1 vòng từ | -            | -         | -         |
| Sau - trái (loại vùng nấu)        | -         | Vùng kết hợp | 1 vòng từ | 1 vòng từ |
| Trung tâm - trước (loại vùng nấu) | -         | -            | -         | -         |
| Trung tâm(loại vùng nấu)          | 1 vòng từ | -            | -         | -         |
| Trung tâm - sau (loại vùng nấu)   | -         | -            | -         | -         |
| Trước - phải (loại vùng nấu)      | -         | -            | -         | 1 vòng từ |
| Trung tâm - phải (loại vùng nấu)  | 2 vòng từ | 2 vòng từ    | 2 vòng từ | -         |
| Sau - phải (loại vùng nấu)        | -         | -            | -         | 1 vòng từ |
| Trước - trái (mm)                 | -         | 230x188      | 150       | 150       |
| Trung tâm - trái (mm)             | 215       | -            | -         | -         |
| Sau - trái (mm)                   | -         | 230x188      | 215       | 215       |
| Trung tâm - trước (mm)            | -         | -            | -         | -         |
| Trung tâm (mm)                    | 150       | -            | -         | -         |
| Trung tâm - sau (mm)              | -         | -            | -         | -         |
| Trước - phải (mm)                 | -         | -            | -         | 185       |
| Trung tâm - phải (mm)             | 320/180   | 150/280      | 320/180   | -         |
| Sau - phải (mm)                   | -         | -            | -         | -         |
| Trước - trước (W)                 | -         | 1750-2200    | 1200-1600 | 1200-1600 |
| Trung tâm - trái (W)              | 2100-3000 | -            | -         | -         |
| Sau - trái (W)                    | -         | 1750-2200    | 2100-3000 | 2100-3000 |
| Trung tâm - trước (W)             | -         | -            | -         | -         |
| Trung tâm (W)                     | 1200-1600 | -            | -         | -         |
| Trung tâm - sau (W)               | -         | -            | -         | -         |
| Trước - phải (W)                  | -         | -            | -         | 1800-2100 |
| Trung tâm - phải (W)              | 2500-3600 | 2500-3600    | 2500-3600 | -         |
| Sau - phải (W)                    | -         | -            | -         | 1800-2100 |

## THÔNG SỐ CÔNG SUẤT

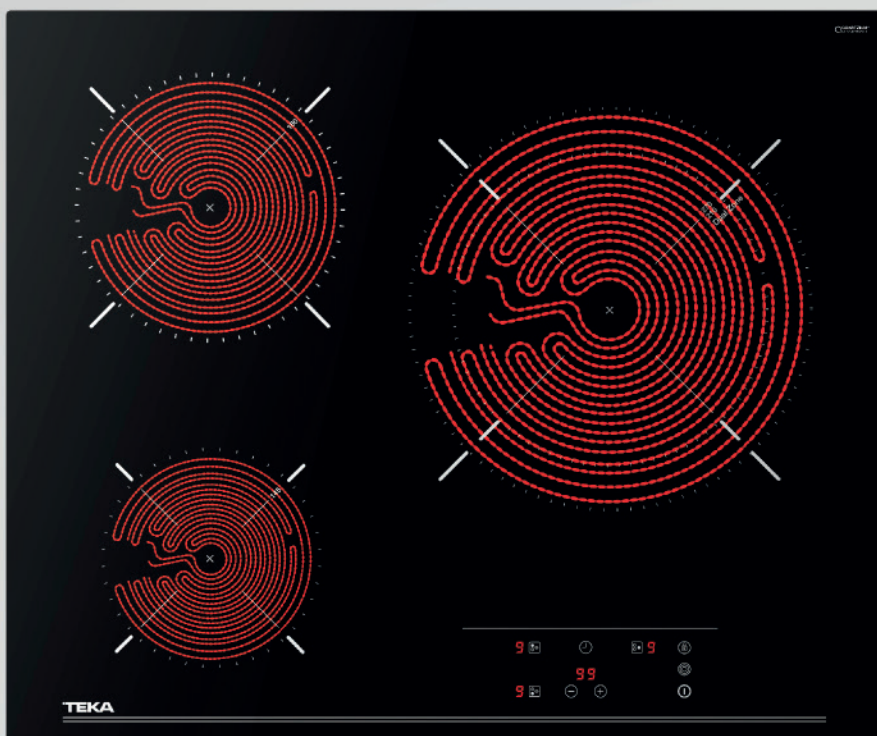
|                          |      |      |      |      |
|--------------------------|------|------|------|------|
| Công suất tối đa (W)     | 7200 | 7200 | 7200 | 7200 |
| Chiều dài dây nguồn (cm) | 110  | 110  | 110  | 110  |

## HỆ THỐNG AN TOÀN

|                      |    |    |    |    |
|----------------------|----|----|----|----|
| Khóa trẻ em          | có | có | có | có |
| Tự động ngắt an toàn | -  | có | có | có |
| Cảnh báo nhiệt dư    | -  | có | có | có |



| IZ 7200 HL   | IZC 72610 MST BK | IBC 63015 M | IZS 34700 MST | IBC 7322 S | DS 3502P  | FIC 31T30 |
|--------------|------------------|-------------|---------------|------------|-----------|-----------|
| 695x360x60   | 695x360x49       | 560x490x54  | 280x490x49    | 680x380x49 | -         | -         |
| -            | -                | 1 vòng từ   | -             | -          | -         | -         |
| 2 vòng nhiệt | 1 vòng từ        | -           | -             | 1 vòng từ  | 1 vòng từ | -         |
| -            | -                | 1 vòng từ   | -             | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | Vùng kết hợp  | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | 1 vòng từ |
| -            | -                | -           | Vùng kết hợp  | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| 1 vòng từ    | 1 vòng từ        | 2 vòng từ   | -             | 1 vòng từ  | 1 vòng từ | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| -            | -                | 145         | -             | -          | -         | -         |
| 120-190      | 185              | -           | -             | 205        | 200       | -         |
| -            | -                | 180         | -             | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | 255x200       | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | 200       |
| -            | -                | -           | 255x200       | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| 210          | 215              | 160/280     | -             | 205        | 200       | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| -            | -                | 1200-1500   | -             | -          | -         | -         |
| 800-1900     | 1800-2100        | -           | -             | 2000-2300  | 1500      | -         |
| -            | -                | 1700-2100   | -             | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | 1750-2000     | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | 2000      |
| -            | -                | -           | 1750-2000     | -          | -         | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| 1500-2000    | 2100-3000        | 2500-3600   | -             | 2000-2300  | 2000      | -         |
| -            | -                | -           | -             | -          | -         | -         |
| 3800         | 3600             | 7200        | 3600          | 4600       | 3500      | 2000      |
| 120          | 110              | 110         | 110           | 110        | 110       | 130       |
| có           | có               | có          | có            | có         | có        | -         |
| có           | có               | có          | có            | có         | có        | -         |
| có           | có               | có          | -             | có         | có        | -         |



## BẾP ĐIỆN VITROCERAMIC

- + Tiết kiệm chi phí hiệu quả
- + Dễ dàng sử dụng

## BẾP GAS

- + Nấu ăn truyền thống với công nghệ hiện đại
- + Kiểm soát trực tiếp và nhanh chóng

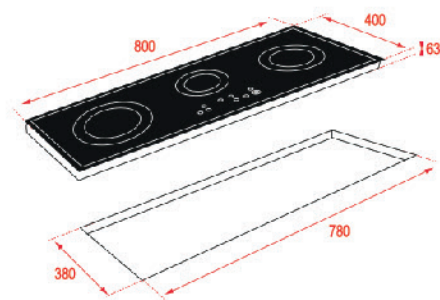




## MAESTRO TRC 83631

Code: 112530000

**Giá: 23.969.000 VNĐ**



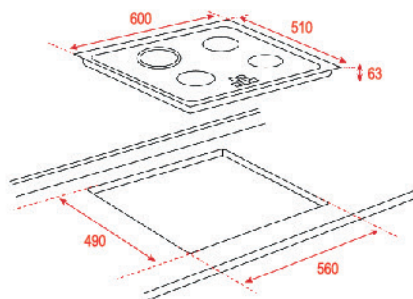
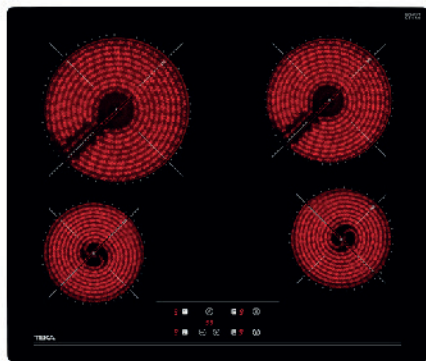
- . Bếp điện Vitroceramic, lắp âm
- . Điều khiển bằng cảm ứng
- . 3 vùng nấu: 1 vùng nhiệt ba  $\varnothing 145/210/270\text{mm}$   
1 vùng  $\varnothing 145\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 180\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh xung quanh
- . 09 mức công suất
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự động khóa an toàn
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 5700W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

## EASY TZ 6415

Code: 40239040

**Giá: 15.499.000 VNĐ**



- . Bếp điện Vitroceramic, lắp âm
- . Điều khiển bằng cảm ứng
- . 4 vùng nấu: 1 vùng  $\varnothing 210\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 180\text{mm}$   
2 vùng  $\varnothing 145\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh phía trước
- . 09 mức công suất
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự động khóa an toàn
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 6300W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

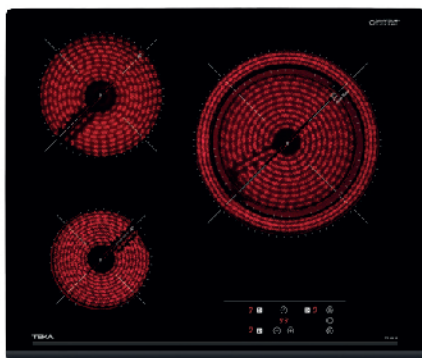
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY TZ 6315

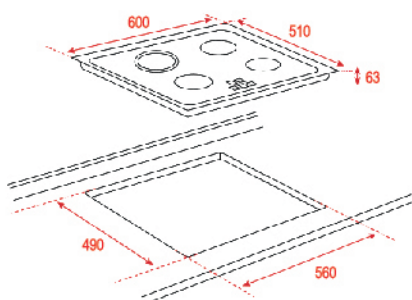
Code: 40239030

Giá: 14.399.000 VNĐ



- . Bếp điện Vitroceramic, lắp âm
- . Điều khiển bằng cảm ứng
- . Mặt kính Quartzium chịu nhiệt
- . 03 vùng nấu: 01 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 210/270\text{mm}$ , 01 vùng  $\varnothing 180\text{mm}$  và 1 vùng  $\varnothing 145\text{mm}$
- . 09 mức công suất
- . Chức năng tăng cường công suất POWER PLUS
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự động khóa an toàn
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Công suất 5400W

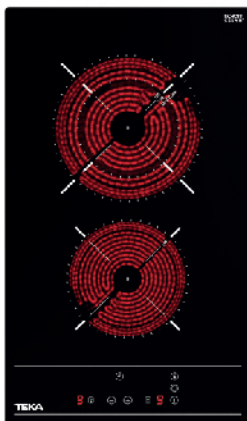
**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## TOTAL TZC 32320 TTC

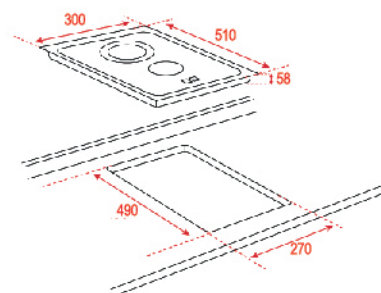
Code: 112540002

Giá: 13.519.000 VNĐ



- . Bếp điện Vitroceramic, lắp âm
- . Điều khiển bằng cảm ứng
- . 2 vùng nấu: 1 vùng nhiệt đôi  $\varnothing 120/180\text{mm}$ , 1 vùng  $\varnothing 145\text{mm}$
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt với khung viền bằng thép không gỉ
- . 09 mức công suất
- . Hẹn giờ nấu ăn
- . Khóa an toàn cho trẻ em
- . Hệ thống tự động khóa an toàn
- . Đèn hiển thị nhiệt dư
- . Công suất 2900W

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ





## TOTAL JZC 63312 ABB

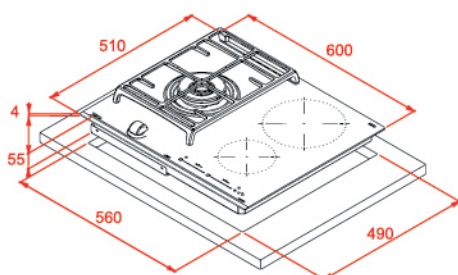
Code: 112570116

**Giá: 27.929.000 VNĐ**



- . Bếp từ kết hợp gas lắp âm
- . Mặt kính ceramic chịu nhiệt, vát cạnh phía trước
- . Điều khiển cảm ứng dạng trượt cho bếp từ và nút vặn cho bếp gas
- . Cài đặt riêng biệt cho từng vùng nấu
- . Kiềng bếp gas bằng gang
- . Đánh lửa bằng điện
- . Tự động ngắt gas an toàn
- . Chức năng chọn trực tiếp: hầm, nấu tan chảy và hâm nóng
- . 09 mức công suất bếp từ
- . 03 vùng nấu: 1 vùng bếp gas có vòng lửa đôi 4000W; 1 vùng từ  $\varnothing 210\text{mm}$ ; 1 vùng từ  $\varnothing 145\text{mm}$
- . Công suất: bếp gas 4000W; bếp từ 3500W

**Xuất xứ:** Italia



## TOTAL GZC 31339 XBA

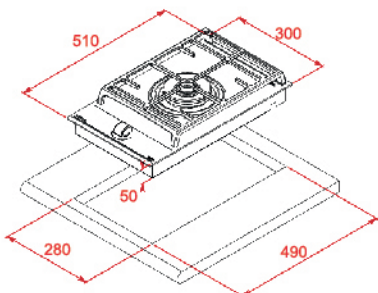
Code: 112570181

**Giá: 13.189.000 VNĐ**



- . Bếp gas mặt kính, lắp âm
- . 01 vùng nấu
- . Điều khiển bằng nút vặn phía trước
- . 09 mức công suất với khả năng điều khiển ngọn lửa chính xác
- . 01 đầu đốt đôi 3500W
- . Tự động đánh lửa
- . Tự động ngắt gas an toàn
- . Kiềng bếp bằng gang, dễ dàng vệ sinh
- . Công suất 3500W

**Xuất xứ:** Italia

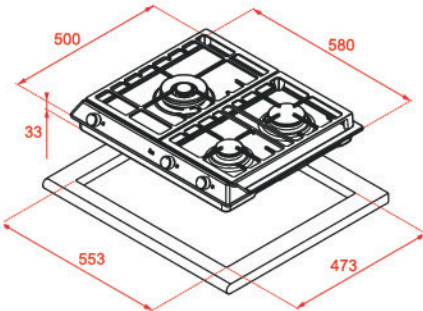
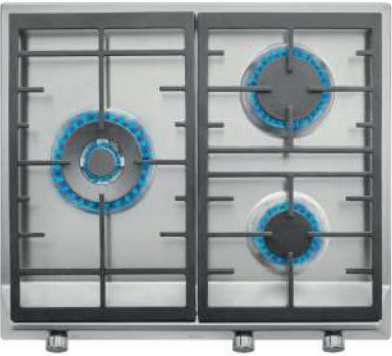


\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

TOTAL EX 60.1 3G AI AL DR CI BUT

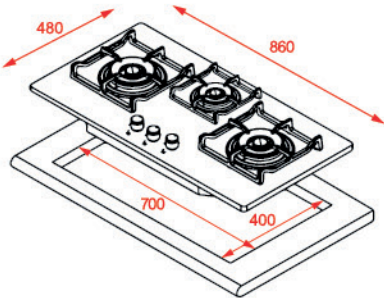
Code: 40212021  
Giá: 12.749.000 VNĐ



- . Bếp gas âm
  - . Chất liệu thép không gỉ
  - . Điều khiển bằng nút vặn phía trước
  - . Kiềng bếp bằng gang, có thể tháo rời để vệ sinh
  - . Đánh lửa bằng điện
  - . Tự động ngắt gas an toàn
  - . 03 mặt bếp nấu: 01 bếp có vòng lửa đôi 4000W; 01 bếp trung 2800W; 01 bếp nhỏ 1700W
- Xuất xứ:** Italia

TOTAL GKN LUX 86 3G

Code: 40232103  
Giá: 8.899.000 VNĐ



- . Bếp gas, có thể lắp âm hoặc đặt nổi
  - . Kiềng bếp bằng gang
  - . Kiềng phụ cho chảo đáy trũng
  - . Mặt kính cường lực dày 8mm
  - . Điều khiển bằng nút vặn hợp kim
  - . Hệ thống ngắt gas an toàn
  - . Công nghệ Top Air với đầu đốt hiệu suất cao
  - . Đánh lửa bằng pin
  - . 4 mức điều chỉnh gas
  - . 3 mặt bếp nấu: 02 bếp có công suất 4,8kW và 01 bếp có công suất 1,4kW
- Xuất xứ:** Indonesia

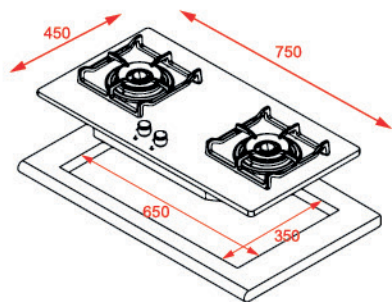
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT  
\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



## TOTAL GKN LUX 75 2G

Code: 40232102

Giá: 7.799.000 VNĐ



- . Bếp gas, có thể lắp âm hoặc đặt nổi
- . Kiềng bếp bằng gang
- . Kiềng phụ cho chảo đáy trũng
- . Mặt kính cường lực dày 8mm
- . Điều khiển bằng nút vận hợp kim
- . Hệ thống ngắt gas an toàn
- . Công nghệ Top Air với đầu đốt hiệu suất cao
- . Đánh lửa bằng pin
- . 4 mức điều chỉnh gas
- . 2 mặt bếp nấu có công suất 4,8kW

**Xuất xứ:** Indonesia

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

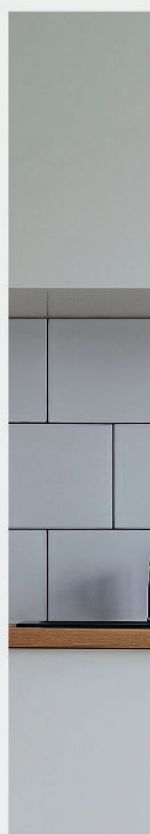


# BẾP ĐIỆN - GAS

| SẢN PHẨM                           | TRC 83631      | TZ 6415      | TZ 6315      | TZC 32320 TTC |
|------------------------------------|----------------|--------------|--------------|---------------|
| KÍCH THƯỚC LẮP ÂM (RxCxMmm)        | 780x380x51     | 560x490x51   | 560x490x51   | 270x490x58    |
| THÔNG SỐ VÙNG NẤU                  |                |              |              |               |
| Trước - trái (loại vùng nấu)       | -              | 1 vòng nhiệt | 1 vòng nhiệt | -             |
| Trung tâm - trái (loại vùng nấu)   | 1 vòng nhiệt   | -            | -            | -             |
| Sau - trái (loại vùng nấu)         | -              | 1 vòng nhiệt | 1 vòng nhiệt | -             |
| Trung tâm - trước (loại vùng nấu)  | -              | -            | -            | 1 vòng nhiệt  |
| Trung tâm(loại vùng nấu)           | 1 vòng nhiệt   | -            | -            | -             |
| Trung tâm - sau (loại vùng nấu)    | -              | -            | -            | 2 vòng nhiệt  |
| Trước - phải (loại vùng nấu)       | -              | 1 vòng nhiệt | -            | -             |
| Trung tâm - phải (loại vùng nấu)   | 3 vòng nhiệt   | -            | 2 vòng nhiệt | -             |
| Sau - phải (loại vùng nấu)         | -              | 1 vòng nhiệt | -            | -             |
| Trước - trái (mm)                  | -              | 145          | 145          | -             |
| Trung tâm - trái (mm)              | 180            | -            | -            | -             |
| Sau - trái (mm)                    | -              | 210          | 180          | -             |
| Trung tâm - trước (mm)             | -              | -            | -            | 145           |
| Trung tâm (mm)                     | 145            | -            | -            | -             |
| Trung tâm - sau (mm)               | -              | -            | -            | 120/180       |
| Trước - phải (mm)                  | -              | 145          | -            | -             |
| Trung tâm - phải (mm)              | 145/210/270    | -            | 210/270      | -             |
| Sau - phải (mm)                    | -              | -            | -            | -             |
| Trước - trước (W)                  | -              | 1200         | 1200         | -             |
| Trung tâm - trái (W)               | 1800           | -            | -            | -             |
| Sau - trái (W)                     | -              | 2100         | 1800         | -             |
| Trung tâm - trước (W)              | -              | -            | -            | 1200          |
| Trung tâm (W)                      | 1200           | -            | -            | -             |
| Trung tâm - sau (W)                | -              | -            | -            | 700-1700      |
| Trước - phải (W)                   | -              | 1200         | -            | -             |
| Trung tâm - phải (W)               | 1050-1950-2700 | -            | 1500-2400    | -             |
| Sau - phải (W)                     | -              | 1800         | -            | -             |
| THÔNG SỐ CÔNG SUẤT                 |                |              |              |               |
| Công suất tối đa (bếp từ/điện) (W) | 5700           | 6300         | 5400         | 2900          |
| Công suất tối đa (bếp gas) (W)     | -              | -            | -            | -             |
| Chiều dài dây nguồn (cm)           | -              | 100          | 110          | 110           |
| HỆ THỐNG AN TOÀN                   |                |              |              |               |
| Khóa trẻ em                        | có             | có           | có           | có            |
| Tự động ngắt an toàn               | có             | có           | có           | -             |
| Cảnh báo nhiệt dư                  | có             | có           | có           | -             |



| JZC 63312 ABB | GZC 31339 XBA | EX 60.1 3G | GKN LUX 86 3G | GKN LUX 75 2G |
|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|
| 560x490x49    | 280x490x49    | 553x473x32 | 700x400x85    | 650x350x85    |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 2 vòng lửa    | -             | 2 vòng lửa | -             | -             |
| -             | -             | -          | 2 vòng lửa    | 2 vòng lửa    |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | 2 vòng lửa    | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | 1 vòng lửa    | -             |
| 1 vòng từ     | -             | 1 vòng lửa | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 1 vòng từ     | -             | 1 vòng lửa | 2 vòng lửa    | 2 vòng lửa    |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 145           | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 210           | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 4000          | -             | 4000       | 4800          | 4800          |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| -             | 3500          | -          | 1400          | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 1250-1800     | -             | 1750       | -             | -             |
| -             | -             | -          | 4800          | 4800          |
| 2250-3000     | -             | 2800       | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| 3500          | -             | -          | -             | -             |
| 4000          | 35            | 8550       | 11000         | 9600          |
| 110           | 110           | 100        | -             | -             |
| -             | -             | -          | -             | -             |
| có            | -             | -          | -             | -             |
| có            | -             | -          | -             | -             |
| có            | -             | -          | -             | -             |







## MÁY HÚT MÙI

### MANG KHÔNG GIAN THOẢI MÁI CHO GIAN BẾP

Thiết kế độc quyền và thiết thực với nhiều kiểu dáng phù hợp với các kiểu gian bếp khác nhau. Chúng tôi tin rằng với hút mùi Teka bạn sẽ cảm thấy thoải mái với một bầu không khí trong lành khi làm bếp.



## MAESTRO CC 485 INOX

Code: 40480330

**Giá: 47.949.000 VNĐ**



- . Hút mùi đảo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển cảm ứng với màn hình điện tử
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 50/72dB
- . 02 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## MAESTRO DPL ISLA 1185

Code: 40483172 / 40483173

**Giá: 44.839.000 VNĐ**



- . Hút mùi đảo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển cảm ứng với màn hình điện tử
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 54/66dB
- . 04 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL DH2 ISLA 985

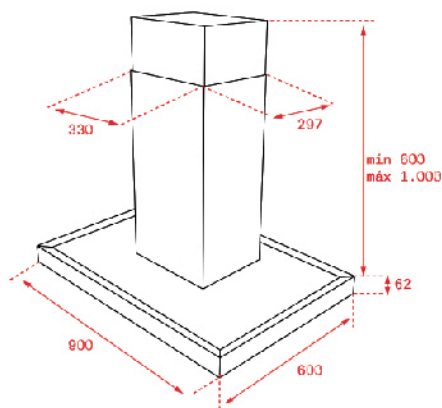
Code: 40484640

**Giá: 32.659.000 VNĐ**



- . Hút mùi đảo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển điện tử có đèn nền với màn hình màu trắng
- . 3 mức tốc độ + 1 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 52/66dB
- . 04 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## MAESTRO DVT Pro 98660/ 78660 TBS BK

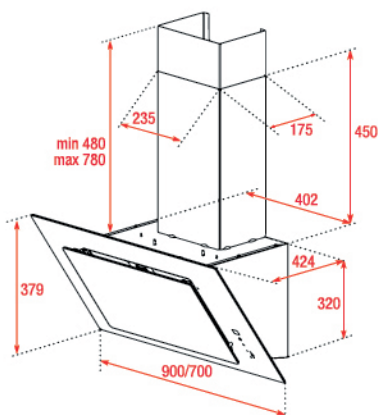
Code: 112930043 / 112930041

**Giá: 28.479.000 / 25.949.000 VNĐ**



- . Hút mùi áp tường dạng nghiêng
- . Chất liệu: thép không gỉ + kính
- . Màn hình điều khiển cảm ứng
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . Chức năng FreshAir
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 698m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 61/72dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



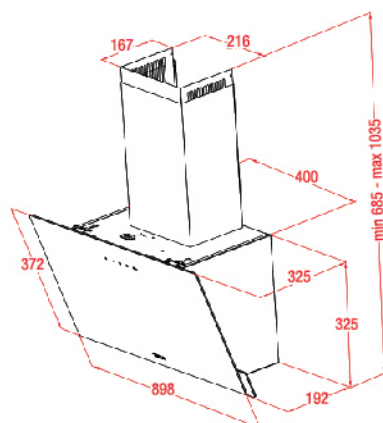
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY DVN 97050 TTC BK

Code: 112950012

Giá: 14.949.000. VNĐ



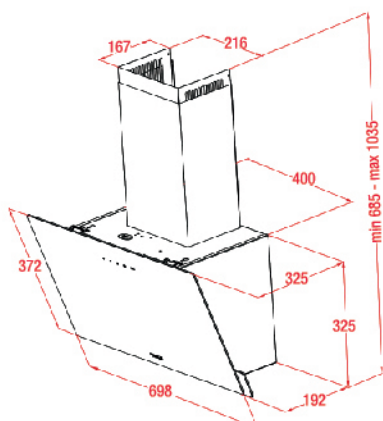
- . Hút mùi áp tường dạng nghiêng
- . Chất liệu: thép không gỉ + kính
- . Màn hình điều khiển cảm ứng
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 704m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 61/64dB
- . 02 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** PRC

## EASY DVN 77050 TTC BK

Code: 112950011

Giá: 13.849.000. VNĐ



- . Hút mùi áp tường dạng nghiêng
- . Chất liệu: thép không gỉ + kính
- . Điều khiển cảm ứng
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 704m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 61/64dB
- . 02 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

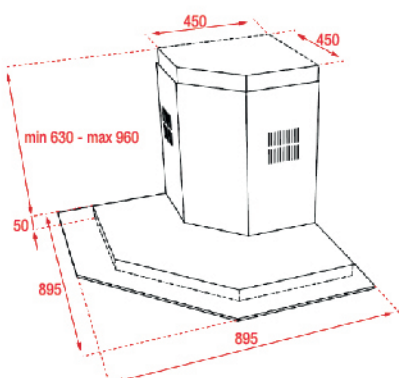
**Xuất xứ:** PRC



## MAESTRO DQ2 985

Code: 40477002

Giá: 40.990.000 VNĐ



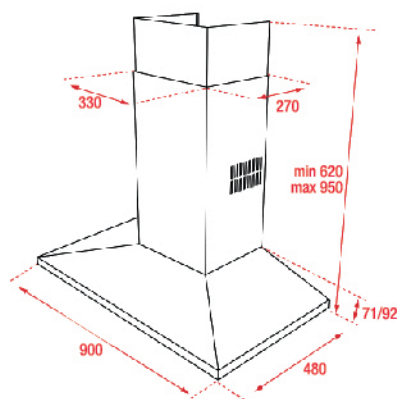
- . Hút mùi góc
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Bảng điều khiển điện tử có đèn nền màu trắng
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 42/55dB
- . 03 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## TOTAL TIKAL DSS 985

Code: 40437010

Giá: 16.489.000 VNĐ



- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 792m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 54/68dB
- . 01 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

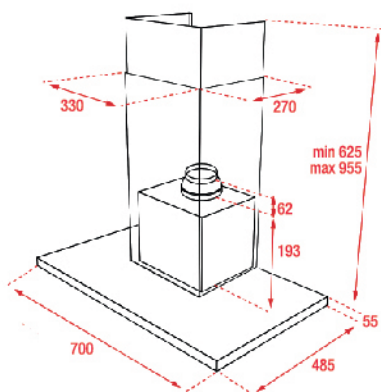
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## MAESTRO DPL 786 T

Code: 40483130

Giá: 17.699.000 VNĐ



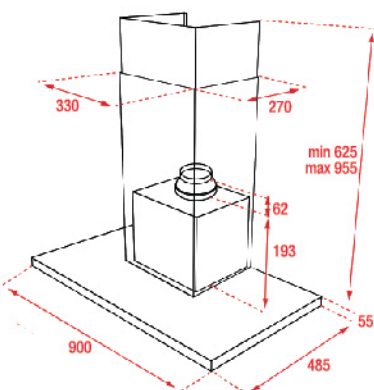
- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Bảng điều khiển cảm ứng với màn hình trắng
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 45/55dB
- . 01 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## MAESTRO DPL 986 T

Code: 40483131

Giá: 19.019.000 VNĐ



- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Bảng điều khiển cảm ứng với màn hình trắng
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 920m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 45/55dB
- . 01 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- . Đèn hiển thị báo vệ sinh lưới lọc

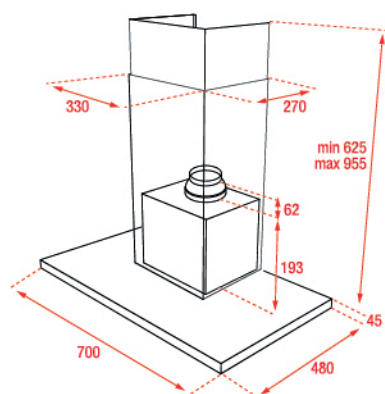
**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



## EASY DSJ 750

Code: 40484831

**Giá: 11.759.000 VNĐ**



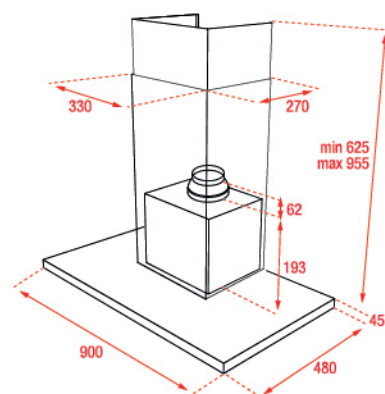
- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ
- . Công suất hút tối đa: 433m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 43/58dB
- . 01 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## EASY DSJ 950

Code: 40484832

**Giá: 12.969.000 VNĐ**



- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ
- . Công suất hút tối đa: 433m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 43/58dB
- . 01 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

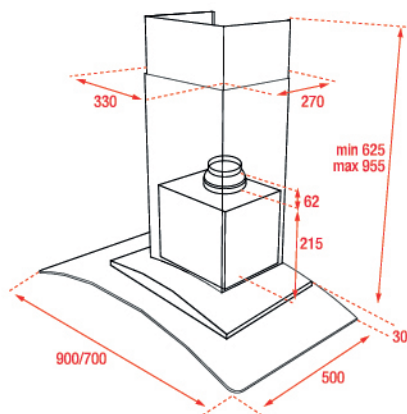
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY NC 980/780

Code: 40455332/40455331

**Giá: 15.990.000/13.990.000 VNĐ**



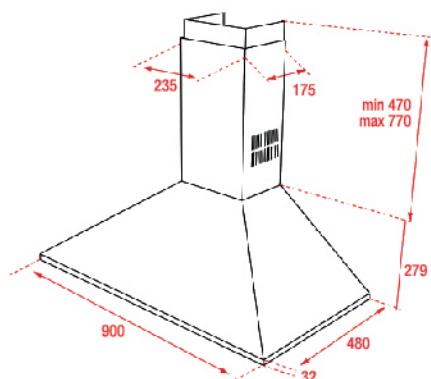
- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển điện tử với nút nhấn và màn hình hiển thị
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh, tiết kiệm điện
- . 03 mức độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 637m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 52/70dB
- . 02 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## EASY DBB 90 IX

Code: 40460440

**Giá: 8.899.000 VNĐ**



- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ
- . Công suất hút tối đa: 380m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 44.3/59.8dB
- . 02 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

## EASY DBB 70 SS

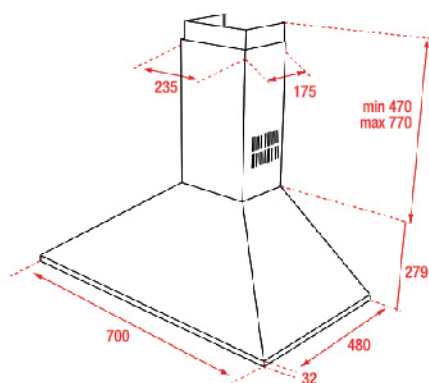
Code: 40460420

**Giá: 7.799.000 VNĐ**



- . Hút mùi áp tường
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Động cơ tuabin đôi
- . 03 mức độ
- . Công suất hút tối đa: 380m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 44.3/59.8dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## MAESTRO GFL 7760 EOS IX

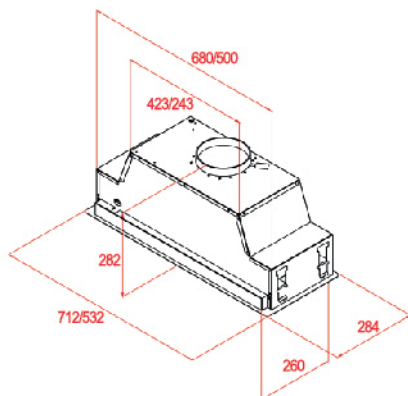
Code: 113100008

**Giá: 23.199.000 VNĐ**



- . Hút mùi âm tủ
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Hệ thống hút theo chu vi đường viền
- . Điều khiển bằng điện tử
- . 03 mức tốc độ + 01 mức tăng cường
- . Động cơ EcoPower công suất mạnh
- . Công suất hút tối đa: 735m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 54.4/68dB
- . 01 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng nhôm
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



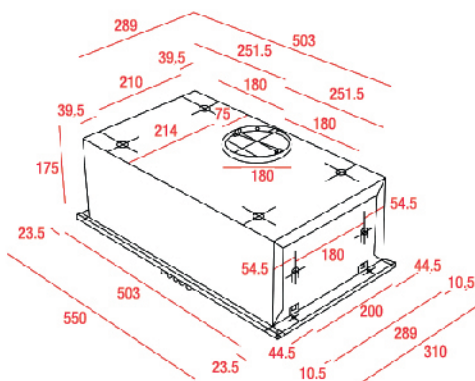
## TOTAL GFH 55

Code: 40446700

Giá: 5.929.000 VNĐ



- . Hút mùi âm tủ
  - . Chất liệu: thép không gỉ
  - . Điều khiển bằng nút nhấn
  - . Động cơ tuabin đôi
  - . 03 mức tốc độ
  - . Công suất hút tối đa: 367m<sup>3</sup>/h
  - . Độ ồn: 42/52dB
  - . 02 đèn LED
  - . 02 lưới lọc bằng nhôm
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



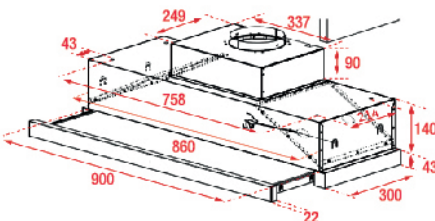
## TOTAL CNL 9610

Code: 40436850

Giá: 11.319.000 VNĐ



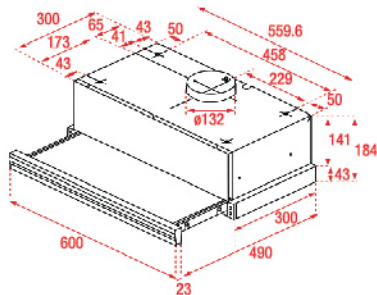
- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
  - . Chất liệu: thép không gỉ
  - . Điều khiển bằng nút nhấn
  - . 02 mức tốc độ + 01 mức tăng cường
  - . Công suất hút tối đa: 745m<sup>3</sup>/h
  - . Độ ồn: 60/63dB
  - . 03 đèn LED
  - . 04 lưới lọc bằng nhôm
  - . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
  - . Chức năng hẹn giờ tắt máy
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



## TOTAL CNL 6415

Code: 40436810

Giá: 8.569.000 VNĐ



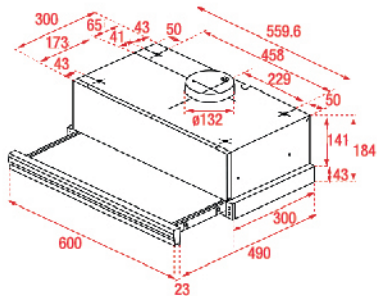
- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng điện tử
- . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
- . 02 mức tốc độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 393m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 57/64dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## TOTAL CNL 6415

Code: 40436812

Giá: 8.569.000 VNĐ



- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng điện tử
- . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
- . Mặt nạ bằng nhựa màu đen
- . 02 mức tốc độ + 01 mức tăng cường
- . Công suất hút tối đa: 393m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 57/64dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng thép không gỉ
- . Chức năng hẹn giờ tắt máy

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY TL 9310 INOX

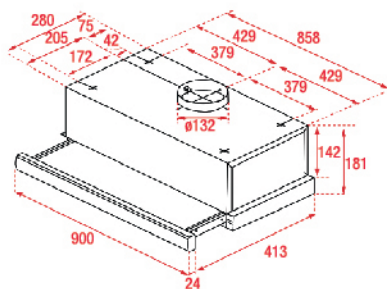
Code: 40474390

Giá: 7.689.000 VNĐ



- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng cơ
- . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
- . 02 mức tốc độ
- . Công suất hút tối đa: 366m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 49/65dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



## EASY TL 7310 INOX

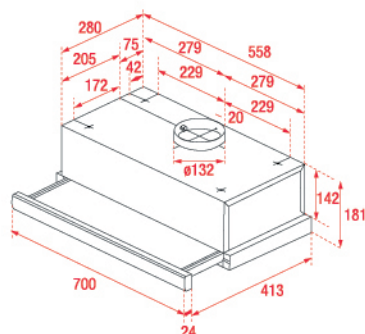
Code: 113080003

Giá: 6.699.000 VNĐ



- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng cơ
- . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
- . 02 mức tốc độ
- . Công suất hút tối đa: 310m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 49/65dB
- . 02 đèn LED
- . 02 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

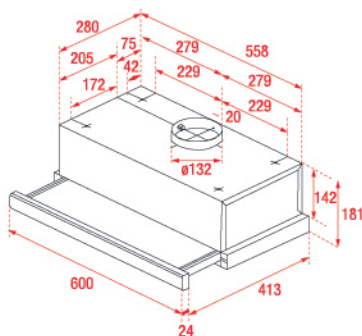




## EASY TL 6310 SS

Code: 40474250

Giá: 5.489.000 VNĐ



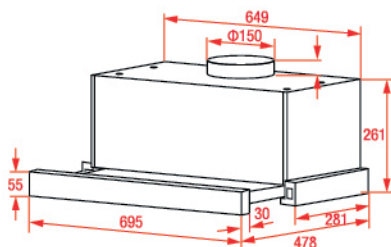
- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng cơ
- . Mặt nạ phía trước có thể thay thế được
- . 02 mức tốc độ
- . Công suất hút tối đa: 366m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 49/65dB
- . 02 đèn LED
- . 01 lưới lọc bằng thép không gỉ

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha

## EASY CH 1170P

Code: 113060000

Giá: 6.149.000 VNĐ



- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Màn hình cảm ứng
- . 03 mức tốc độ
- . Công suất hút tối đa: 750m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 50dB
- . 02 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** PRC

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## EASY TLR2 72

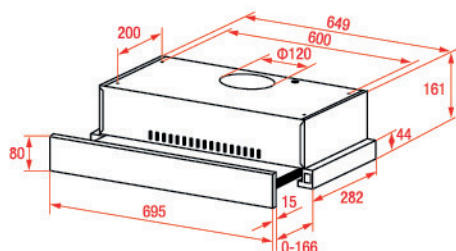
Code: 113070002

**Giá: 4.609.000 VNĐ**



- . Hút mùi lắp âm - dạng kéo
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . Công suất hút tối đa: 400m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 65dB
- . 02 lưới lọc nhôm
- . 02 đèn LED
- . Phụ kiện đi kèm: than hoạt tính

**Xuất xứ:** PRC



## EASY C 9420

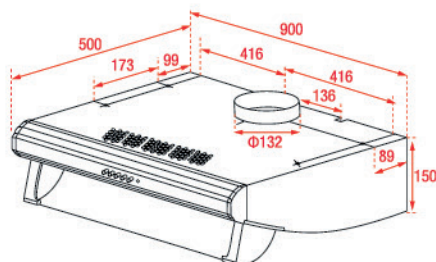
Code: 40466250

**Giá: 7.689.000 VNĐ**



- . Hút mùi truyền thống
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Điều khiển bằng nút nhấn
- . 03 mức tốc độ
- . Công suất hút tối đa: 422m<sup>3</sup>/h
- . Độ ồn: 60/72dB
- . 02 đèn LED
- . 03 lưới lọc bằng nhôm

**Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



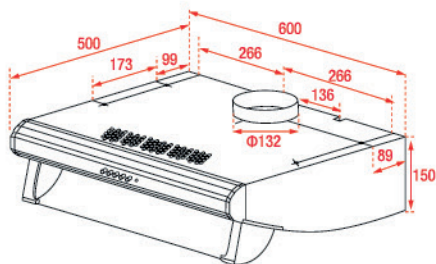
## EASY C 6420

Code: 40465530

**Giá: 7.029.000 VNĐ**



- . Hút mùi truyền thống
  - . Chất liệu: thép không gỉ
  - . Điều khiển bằng nút nhấn
  - . 03 mức tốc độ
  - . Công suất hút tối đa: 422m<sup>3</sup>/h
  - . Độ ồn: 60/72dB
  - . 02 đèn LED
  - . 02 lưới lọc bằng nhôm
- Xuất xứ:** Bồ Đào Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.











## CHẬU RỬA

---

### **INFINITY DESIGN - THIẾT KẾ HOÀN HẢO**

Teka mang đến sự hài lòng về kiểu dáng và thiết kế của các dòng sản phẩm. Thiết kế gọn gàng hiện đại với các kích thước lắp âm hoặc lắp nổi tùy nhu cầu của từng gian bếp.



# CHẬU RỬA BẰNG THÉP KHÔNG GỈ

## Tinh tế đến từng chi tiết



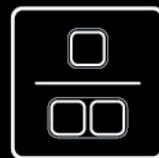
### DỄ DÀNG LÀM SẠCH

Chất liệu thép không gỉ giúp sản phẩm có bề mặt sáng bóng dễ dàng lau chùi vệ sinh và ngăn chặn được sự phát triển của vi khuẩn.



### CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

Chậu rửa Teka được xác định có chất lượng hàng đầu về độ bền, thép không gỉ chịu lực cực tốt và thiết kế tiện dụng.



### THIẾT KẾ ĐA DẠNG

Với đầy đủ kiểu dáng từ 1 hộc rửa cho đến 2 hộc rửa kết hợp với việc lắp âm hay lắp nổi sẽ phù hợp theo từng yêu cầu sử dụng và kích thước của gian bếp.



## MAESTRO ZENIT RS15 2B 1D

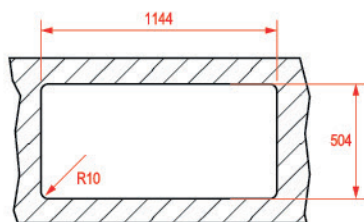
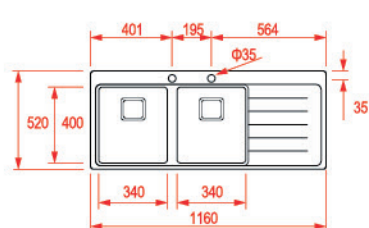
Code: 115160004

**Giá: 27.720.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa và bàn chậu bên phải
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1160x520x200
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x200
- . Phụ kiện: nút nhấn popup, thớt, ổ đựng, bình xà phòng
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## MAESTRO BE LINEA RS15 2B 860

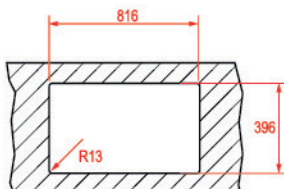
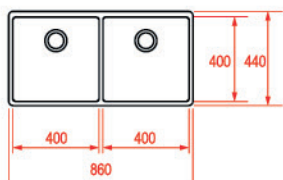
Code: 115030006

**Giá: 14.949.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 860x440x200
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 400x400x200
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## MAESTRO BE LINEA RS15 2B 740

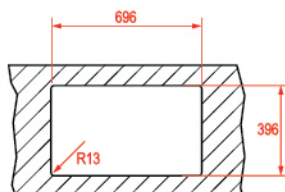
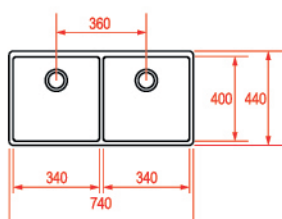
Code: 115030007

**Giá: 14.399.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 740x440x200
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x200
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## MAESTRO BE LINEA RS15 50.40

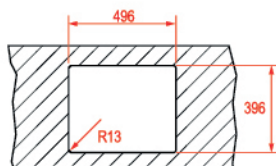
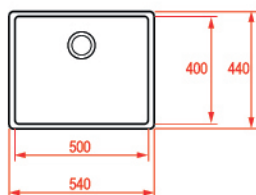
Code: 115000005

**Giá: 6.699.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 540x440x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 500x400x200
- . SilentSmart - giảm 50% tiếng ồn
- . Dễ dàng vệ sinh
- . Giới hạn hộc tủ dưới >60cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL BE 2B 845 R

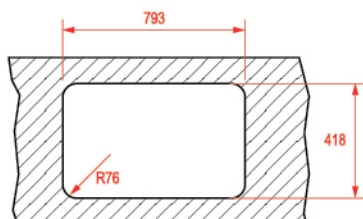
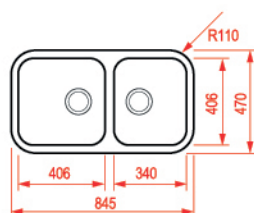
Code: 10125029

Giá: 12.045.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 845x470x250
- . Kích thước hộc rửa 1 (mm, RxCxS): 406x406x250
- . Kích thước hộc rửa 2 (mm, RxCxS): 340x406x200
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL BE 2B 785

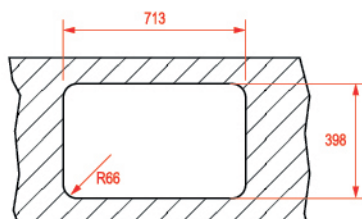
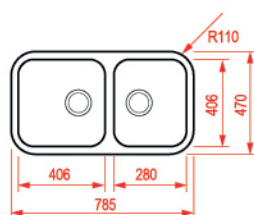
Code: 10125025

Giá: 11.671.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 785x470x250
- . Kích thước hộc rửa 1 (mm, RxCxS): 406x406x250
- . Kích thước hộc rửa 2 (mm, RxCxS): 280x406x180
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



## TOTAL BE 74.43-20 1B

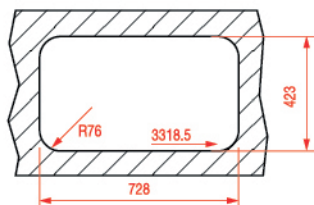
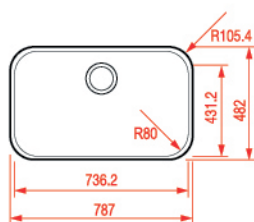
Code: 10125121

Giá: 8.459.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 787x482x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 736x431x200
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL CLASSIC 2B 1D

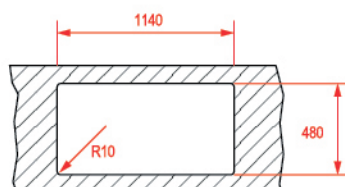
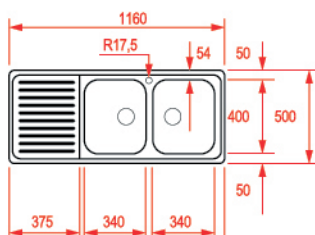
Code: 10119023

Giá: 11.099.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa và 1 bàn chậu có thể đảo chiều
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1160x500x190
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x190
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL CLASSIC 2½B

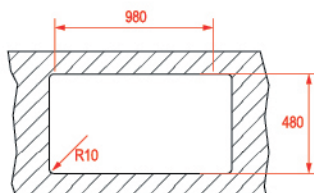
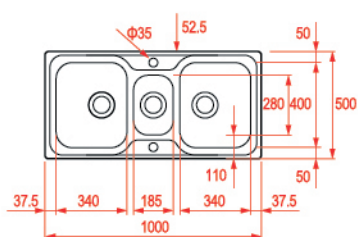
Code: 10119080

**Giá: 10.890.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 2½ hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1000x500x190
- . Kích thước hộc rửa 2 bên (mm, RxCxS): 340x400x190
- . Kích thước hộc rửa giữa (mm, RxCxS): 180x270x135
- . Giới hạn hộc tủ dưới >100cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL CLASSIC 2B 86

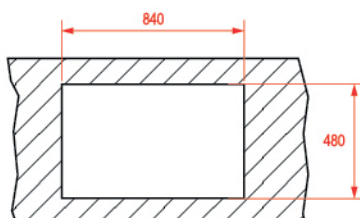
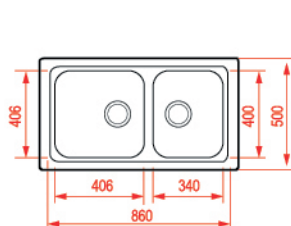
Code: 10119021

**Giá: 9.669.000 VNĐ**



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 860x500x190
- . Kích thước hộc rửa 1 (mm, RxCxS): 406x406x190
- . Kích thước hộc rửa 2 (mm, RxCxS): 340x400x190
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL BAHIA 1B PLUS

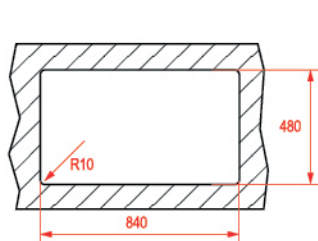
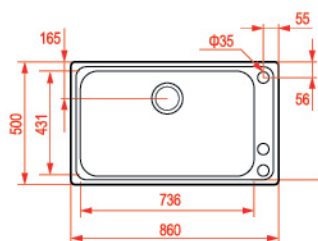
Code: 11127004

Giá: 9.559.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 860x500x220
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 736x431x210
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL ANGULAR 2B

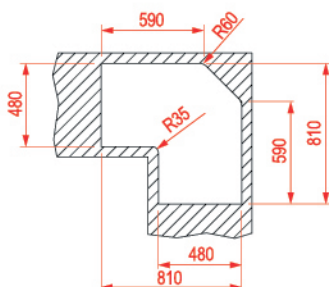
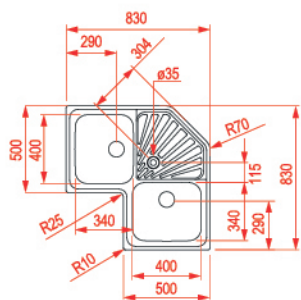
Code: 10118005

Giá: 8.940.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa và 1 bàn chậu
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 830x830x190
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x190
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha





## TOTAL UNIVERSE 80 T-XP 2B 1D

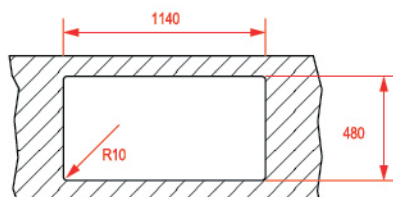
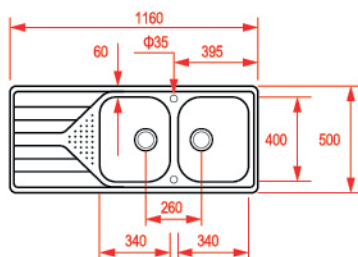
Code: 115170001

Giá: 6.919.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa và 1 bàn chậu có thể đảo chiều
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1160x500x170
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x170
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL UNIVERSE 80 T-XP 2B

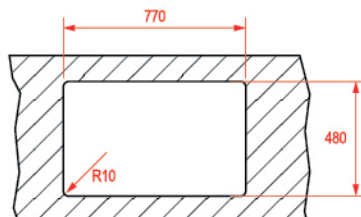
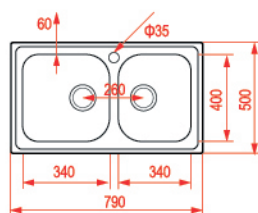
Code: 115040007

Giá: 5.357.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 790x500x170
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 340x400x170
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL STYLO 2B

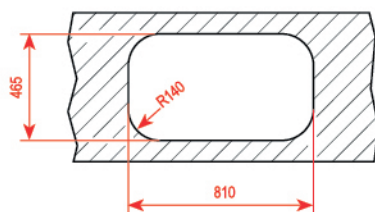
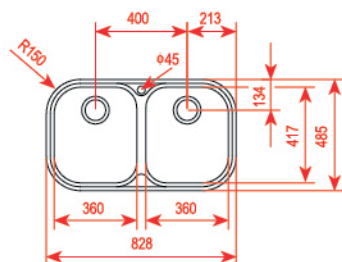
Code: 11107027

Giá: 5.049.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 2 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 828x485x170
- . Kích thước 2 hộc rửa (mm, RxCxS): 360x417x170
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL STYLO 1B 1D

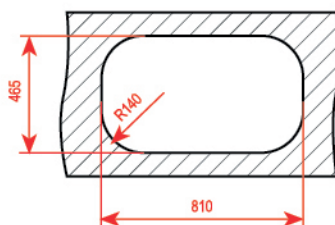
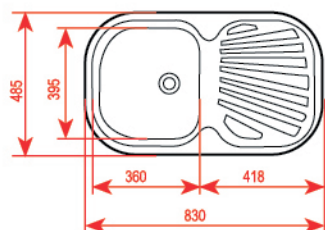
Code: 10107018

Giá: 4.499.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa và 1 bàn chậu có thể đảo chiều
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 830x485x170
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 360x395x170
- . Giới hạn hộc tủ dưới >45cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL STYLO 1B

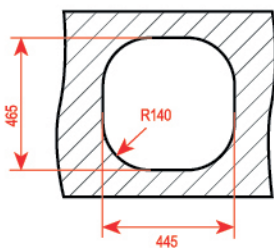
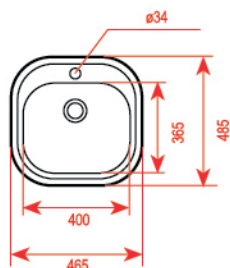
Code: 10107074

Giá: 3.069.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 465x485x165
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 400x360x165
- . Giới hạn hộc tủ dưới >45cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



## TOTAL BE 40.40 1B

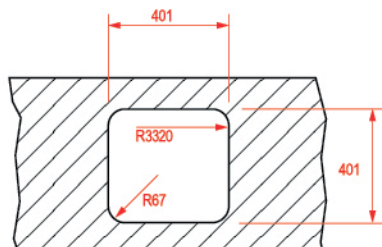
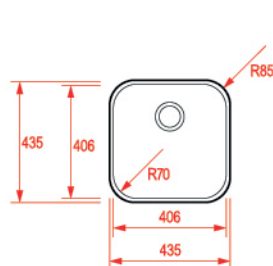
Code: 10125005

Giá: 4.048.000 VNĐ



- . Kiểu dáng 1 hộc rửa
- . Chất liệu: thép không gỉ
- . Lắp đặt: lắp âm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 435x435x180
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 406x406x180
- . Giới hạn hộc tủ dưới >50cm

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



# CHẬU RỬA BẰNG ĐÁ

---

## NGƯỜI HÙNG CỦA GIAN BẾP

Với chất liệu được làm bằng đá thạch anh chất lượng cao. 80% Thạch anh kết hợp với nhựa acrylic để có được chất liệu rắn chắc, có khả năng chống sốc nhiệt, va đập và bụi bẩn. Ngoài ra, có sẵn một loạt các màu sắc, kích thước và kiểu dáng bạn có thể thỏa sức lựa chọn.







### **BỀ MẶT CHỊU VA ĐẬP CHỐNG TRẦY XƯỚC**

Bề mặt chịu được những va đập từ những vật liệu cứng và các tác động bên ngoài.



### **CHỊU NHIỆT**

Bề mặt chịu được những tác động của nhiệt độ cao.



### **CƯỜNG ĐỘ MÀU SẮC**

Khả năng chống tia UV tuyệt vời và làm cho chậu có màu sắc bền lâu.



### **DỄ DÀNG VỆ SINH**

Tengranite có tính năng không mùi và chống bám bẩn, giúp cho việc dọn dẹp trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết.



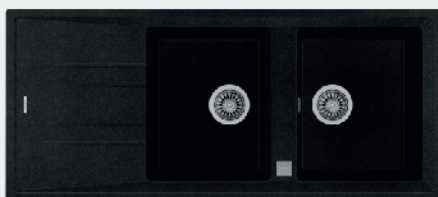
### **AN TOÀN VỚI THỰC PHẨM**

Bề mặt chậu rửa bằng đá Tengranite có chất bảo vệ chống vi khuẩn được kết hợp với các ion bạc giúp loại bỏ các vi sinh vật hoặc vi khuẩn.

## MAESTRO STONE 80B-TG 2B 1D (BLACK)

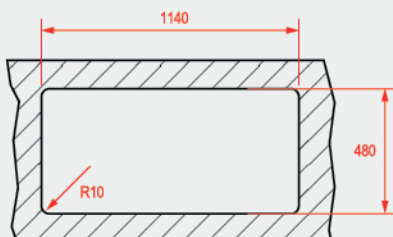
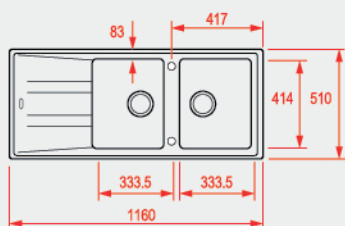
Code: 115400011

Giá: 11.539.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: đen
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1160x510x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 334x414x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Đức



## MAESTRO STONE 80B-TG 2B 1D (GREY)

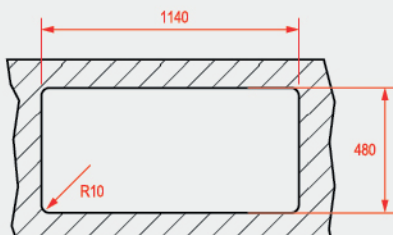
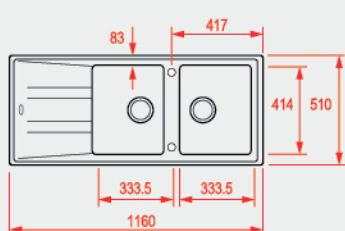
Code: 115400008

Giá: 11.539.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: xám
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 1160x510x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 334x414x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Đức





## MAESTRO STONE 90 B-TG 2B (DARK-GREY)

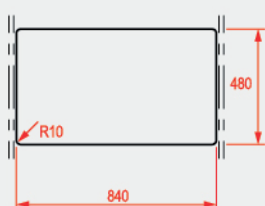
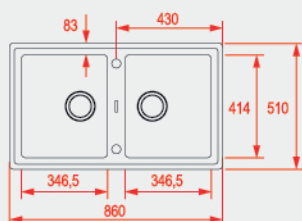
Code: 115260013

**Giá: 10.989.000 VNĐ**



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu xám đậm
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 860x510x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 347x414x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Đức



## MAESTRO STONE 90 B-TG 2B (GREY)

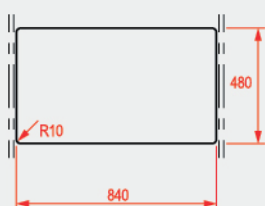
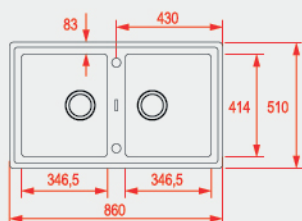
Code: 115260007

**Giá: 10.989.000 VNĐ**



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu xám
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 860x510x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 347x414x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >90cm

**Xuất xứ:** Đức



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## MAESTRO FORSQUARE 2B 790 TG (BLACK)

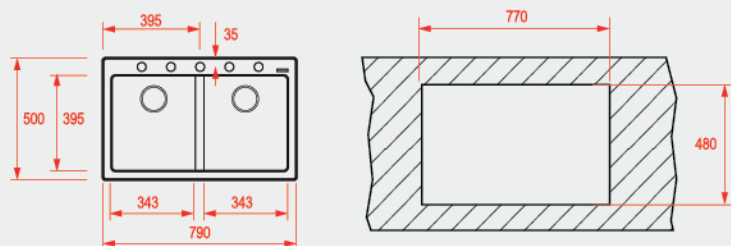
Code: 115260014

Giá: 10.549.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu đen
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 790x500x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 343x395x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Italia



## MAESTRO FORSQUARE 2B 790 TG (BEIGE)

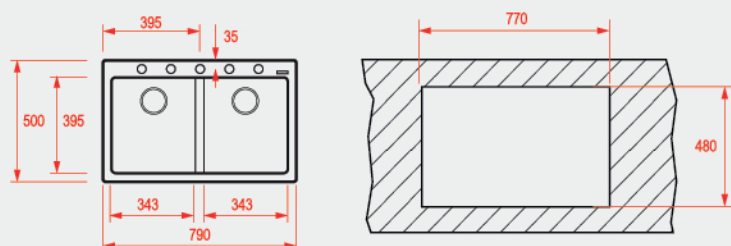
Code: 115260016

Giá: 10.549.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu be
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 790x500x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 343x395x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

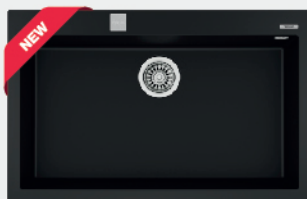
**Xuất xứ:** Italia



## MAESTRO FORSQUARE 72.40 TG (BLACK)

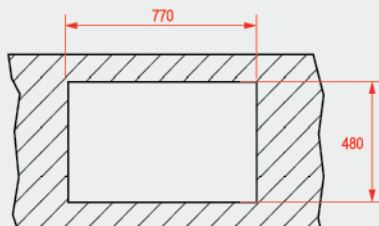
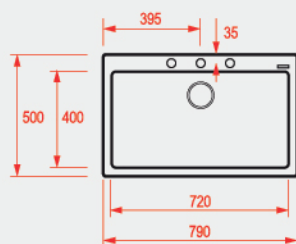
Code: 115230000

Giá: 9.119.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu đen
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 790x500x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 720x400x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Italia



## MAESTRO FORSQUARE 72.40 TG (STONE GREY)

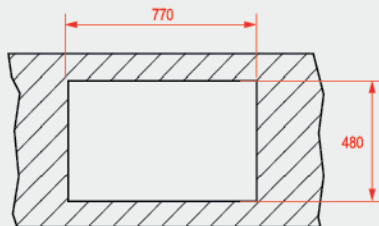
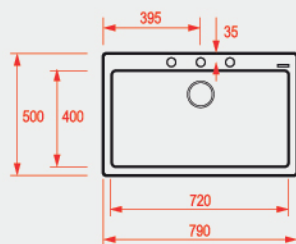
Code: 115230001

Giá: 9.119.000 VNĐ



- . Chậu đá
- . Chất liệu: đá thạch anh
- . Lắp đặt: lắp nổi
- . Màu sắc: màu xám
- . Kích thước tổng quát (mm, RxCxS): 790x500x200
- . Kích thước hộc rửa (mm, RxCxS): 720x400x200
- . Bề mặt chống bám khuẩn, dễ vệ sinh
- . Khả năng chịu nhiệt tốt
- . Phụ kiện: nút nhấn popup
- . Giới hạn hộc tủ dưới >80cm

**Xuất xứ:** Italia



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.





## VÒI RỬA

---

Thiết kế với từng đường nét tinh tế, uyển chuyển kết hợp cùng với chậu rửa tạo nên một tổng thể hoàn hảo cho từng gian bếp.



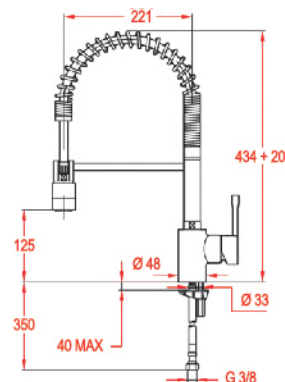




## MAESTRO ARK 937

Code: 239371200

Giá: 10.989.000 VNĐ



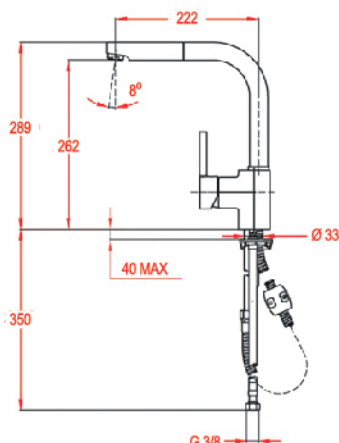
- . Vòi rửa nóng lạnh
- . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
- . Cổ vòi xoay êm ái
- . Tay cầm vòi linh hoạt
- . 2 chế độ phun nước: phun sen và phun thường
- . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
- . Màu sắc: màu chrome

**Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## MAESTRO ARK 938

Code: 23938120CN

Giá: 9.889.000 VNĐ



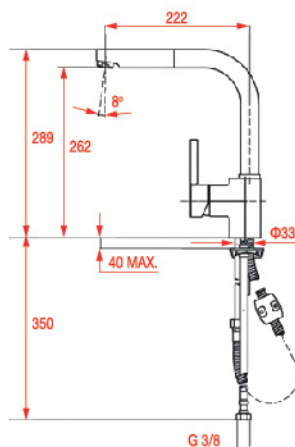
- . Vòi rửa nóng lạnh
- . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
- . Cổ vòi xoay êm ái
- . Tay cầm vòi kéo dài
- . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome + sơn tĩnh điện
- . Màu sắc: sơn tĩnh điện màu đen + chrome

**Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## MAESTRO ARK 938

Code: 239381210

Giá: 7.909.000 VNĐ



- . Vòi rửa nóng lạnh
- . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
- . Cổ vòi xoay êm ái
- . Tay cầm vòi kéo dài
- . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
- . Màu sắc: màu chrome

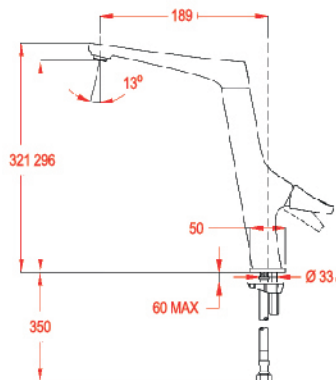
**Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C



## MAESTRO SE 915

Code: 116030030

**Giá: 9.449.000 VNĐ**

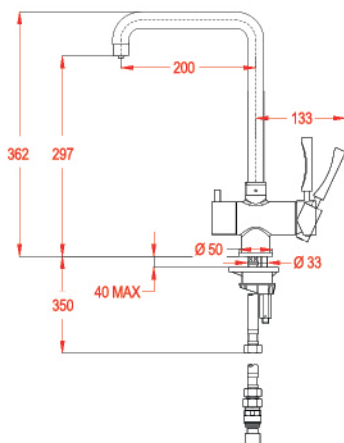


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## TOTAL OS 210

Code: 116090000

**Giá: 9.009.000 VNĐ**

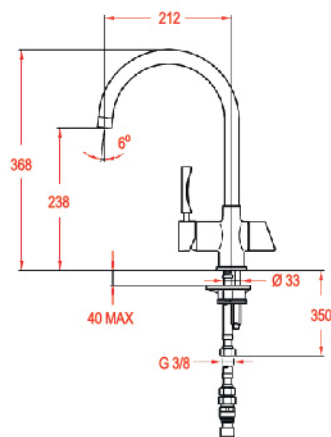


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . 2 chế độ nước lọc và nước chưa lọc (đầu nối trực tiếp với hệ thống nước lọc)
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## TOTAL OS 200

Code: 182000200

**Giá: 8.789.000 VNĐ**



- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . 2 chế độ nước lọc và nước chưa lọc (đầu nối trực tiếp với hệ thống nước lọc)
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

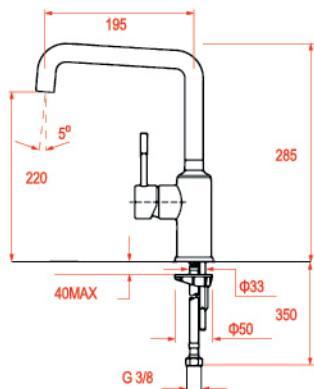
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## TOTAL FRAME

Code: 509150210

Giá: 9.449.000 VNĐ

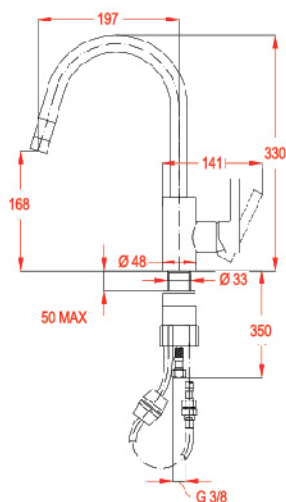


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## EASY MTP 938

Code: 116020000

Giá: 6.589.000 VNĐ

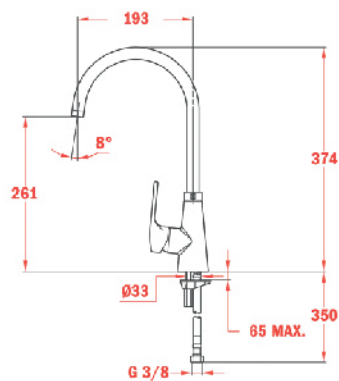


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Tay cầm vòi kéo dài
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## EASY VITA 915

Code: 249150200

Giá: 5.599.000 VNĐ

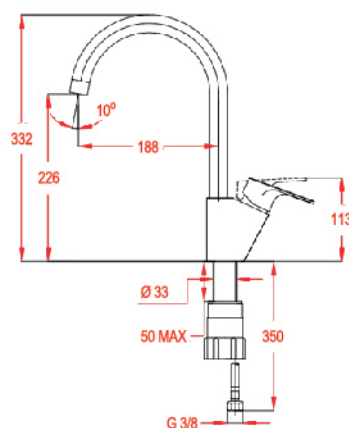


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## EASY MTP 995

Code: 116030001

Giá: 3.729.000 VNĐ

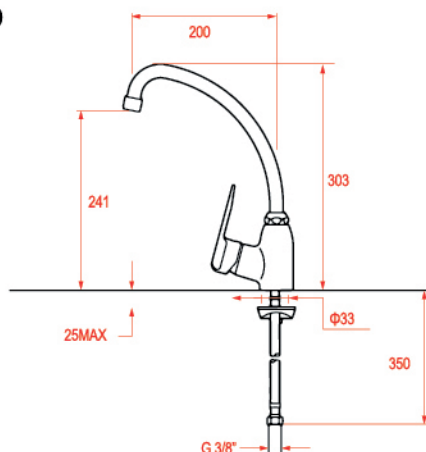


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## EASY IN 912

Code: 5391212

Giá: 3.399.000 VNĐ

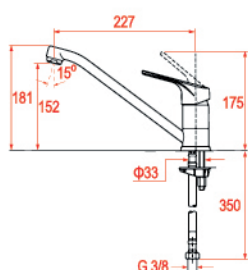


- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

## EASY MTP 913

Code: 469130210

Giá: 3.179.000 VNĐ



- . Vòi rửa nóng lạnh
  - . Đầu vòi tạo bọt chống bám cặn
  - . Cổ vòi xoay êm ái
  - . Chất liệu: lõi đồng thau mạ chrome
  - . Màu sắc: màu chrome
- Xuất xứ:** Sản xuất tại nhà máy Teka tại P.R.C

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.









## TỦ LẠNH - TỦ RƯỢU

Bảo quản thực phẩm, thức uống cho gia đình luôn tươi mới. Giúp bạn và gia đình tận hưởng trọn vẹn hương vị dinh dưỡng trong từng bữa ăn hằng ngày.





A detailed view of a refrigerator's interior. The top shelf holds a jar of pickles, a banana, and donuts. The middle shelf features a container of cheese, an apple, a bowl of lemons, and more donuts. The bottom section has two drawers: the top one contains carrots and apples, while the bottom one holds bell peppers and tomatoes. The refrigerator is brightly lit, emphasizing the freshness of the food.

## TỦ LẠNH TEKA

Chăm sóc sức khỏe cho bạn và gia đình mỗi ngày

Với hệ thống kháng khuẩn và công nghệ vượt trội, tủ lạnh Teka giúp bảo quản thực phẩm luôn tươi ngon và tiết kiệm năng lượng mỗi ngày cho gia đình bạn.





## TỦ LẠNH THÔNG MINH

Bộ điều khiển điện tử Teka tối ưu hóa được hiệu suất năng lượng theo nhiệt độ môi trường.



## MOTOR INVERTER

Cảm nhận sự thoải mái trong chính ngôi nhà của bạn nhờ motor tiết kiệm điện tích hợp trong tủ lạnh. Giúp tủ lạnh tiêu thụ ít hơn và im lặng hơn. Động cơ này tạo ra ít ma sát để giảm tiếng ồn và nó cũng bền hơn và thân thiện với môi trường.

## KIỂM SOÁT ĐỘ ẨM PHÙ HỢP

Có thể điều chỉnh độ ẩm phù hợp với từng loại thực phẩm mà bạn bảo quản.



## KHOANG GIỮ LẠNH 0-3°C

Bảo quản chất dinh dưỡng của thực phẩm với thời gian gấp 3 lần so với tủ lạnh thông thường.



## CHỨC NĂNG NGHỈ LỄ

Chức năng phù hợp để cài đặt tủ lạnh khi không sử dụng tủ trong một khoảng thời gian dài, để đảm bảo không phát sinh mùi hôi và tiết kiệm điện.



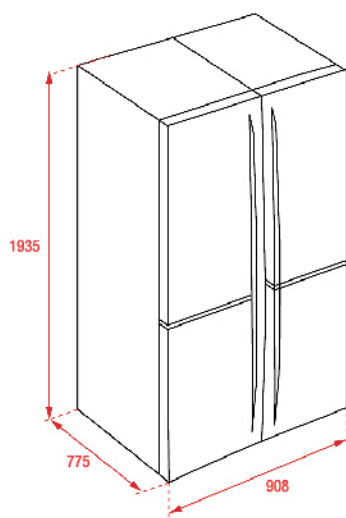
## CÔNG NGHỆ KHỬ MÙI KHỬ KHUẨN IONCLEAN

Công nghệ IonClean tạo ra các ion âm giúp vô hiệu hóa vi khuẩn và các phần tử gây mùi hôi. Không khí bên trong tủ lạnh sẽ luôn trong lành và không có mùi hôi.

## MAESTRO RMF 77920 EU SS

Code: 113430009

Giá: 84.579.000 VNĐ



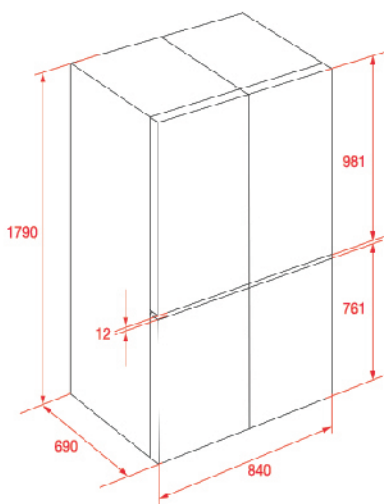
- . Tủ lạnh 4 cánh đứng độc lập
- . Dung tích (tổng/thực): 648/637 lít, trong đó ngăn lạnh 455L, ngăn đông 182L
- . Chất liệu: thép không gỉ, không in dấu vân tay
- . Động cơ inverter tiết kiệm điện năng
- . Màn hình điều khiển điện tử bên ngoài
- . Ngăn linh hoạt Multizone, có thể chuyển đổi ngăn đông thành ngăn mát hoặc ngăn đông mềm
- . Công nghệ trữ thực phẩm tươi lâu, không bám tuyết với 03 dàn lạnh độc lập
- . Công nghệ khử mùi và khử khuẩn: ionclean
- . Tính năng FreshBox điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm ngăn mát
- . Ngăn kệ bằng kính cường lực
- . Làm lạnh nhanh và làm đá nhanh
- . Chức năng nghỉ lễ
- . Đèn LED
- . Mức làm lạnh: 4\*
- . Mức tiêu thụ điện năng (kWh/ngày): 1.04
- . Độ ồn 43dB
- . Kích thước tổng quát (mm,CxRxS): 1935x908x775 (762)

**Xuất xứ:** PRC

## MAESTRO RMF 74830 DSS

Code: 113430041

Giá: 84.579.000 VNĐ



- . Tủ lạnh 4 cánh đứng độc lập
- . Dung tích: 487 lít, trong đó ngăn lạnh 322 lít và ngăn đông 166 lít
- . 4 ngăn đông
- . Chất liệu: thép không gỉ, không in dấu vân tay
- . Động cơ Inverter tiết kiệm điện năng
- . Màn hình điều khiển điện tử bên ngoài
- . Bộ điều chỉnh nhiệt độ điện tử
- . Làm lạnh nhanh và làm đá nhanh
- . Ngăn kệ bằng kính cường lực
- . Công nghệ khử mùi và khử khuẩn: ionClean
- . Chân trước và sau tủ có thể điều chỉnh được
- . Công nghệ trữ thực phẩm tươi lâu không bám tuyết với 3 ngăn lạnh độc lập
- . Chức năng tự động xả tuyết trong ngăn đông/ ngăn mát
- . 2 ngăn rau củ quả VitacareBox
- . Đèn LED chiếu sáng
- . Chức năng nghỉ lễ
- . Làm đá tự động
- . 2 khay đá viên đi kèm
- . Độ ồn 41dB
- . Điện năng tiêu thụ (kW/ngày): 1046
- . Kích thước tổng quát (mm,CxRxS): 1790x840x690

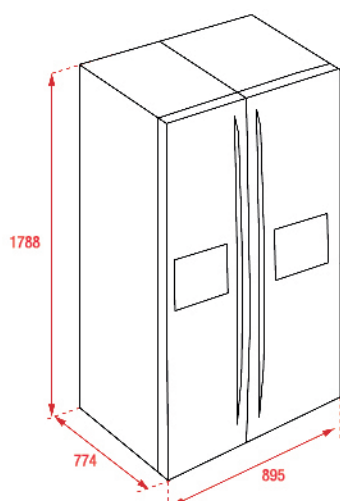
**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## MAESTRO RLF 74925 SS EU

Code: 113430010

**Giá: 76.989.000 VNĐ**

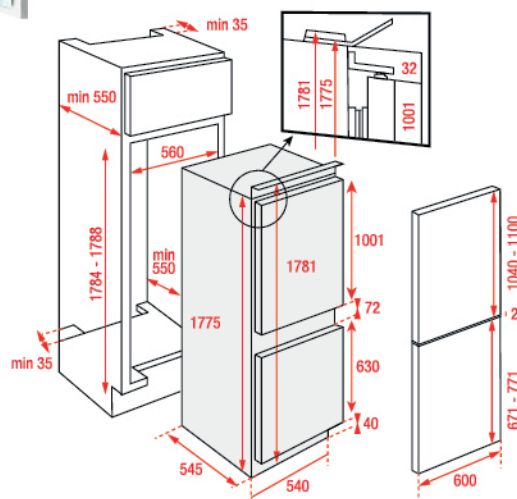


- . Tủ lạnh side by side đứng độc lập
  - . Dung tích (tổng/thực): 574/490 lít, trong đó ngăn lạnh 334L, ngăn đông 156L
  - . Chất liệu: thép không gỉ, không in dấu vân tay
  - . Bảng điều khiển cảm ứng trên cửa
  - . Làm đá và lấy nước tự động
  - . Ngăn minibar
  - . Có thể điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm trong ngăn FreshBox
  - . Hệ thống làm lạnh thông minh
  - . Mức tiêu thụ điện năng (kWh/ngày): 0.882
  - . Ngăn kệ bằng kính cường lực
  - . Làm lạnh nhanh và làm đá nhanh
  - . Chức năng nghỉ lễ
  - . Đèn LED bên trong tủ
  - . Công suất làm đá (kg/24h): 14
  - . Mức làm lạnh: 4\*
  - . Độ ồn 41dB
  - . Kích thước tổng quát (mm,CxRxS): 1788x895x774
- Xuất xứ: PRC**

## MAESTRO C13 350 NF

Code: 40634573

**Giá: 49.500.000 VNĐ**



- . Tủ lạnh lắp âm
- . Dung tích 275L
- . Điều khiển điện tử với màn hình LCD
- . Chức năng làm lạnh nhanh/ làm đá nhanh
- . Tính năng đông mềm Gourmet box 0-3°C, đựng thực phẩm tươi lâu
- . 4 ngăn đông
- . Kết cấu cánh cửa linh hoạt
- . Đèn LED bên trong tủ
- . Độ ồn 40dB

**Xuất xứ: Romania**

\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



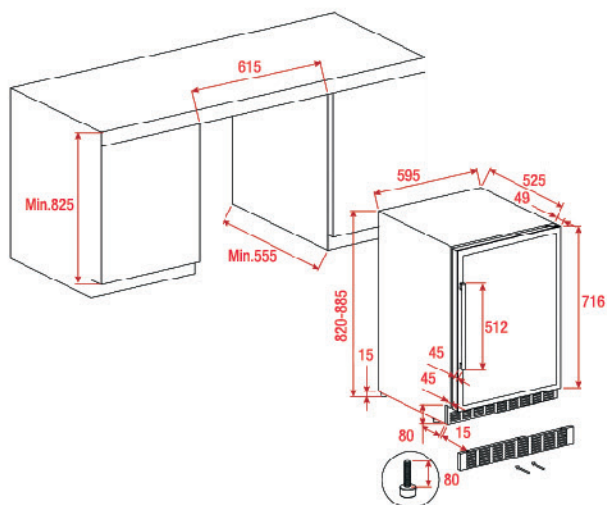
## MAESTRO RVU 20046 GBK

Code: 113600008

**Giá: 39.809.000 VNĐ**



- . Tủ rượu lắp âm hoặc đứng độc lập
  - . Dung tích 46 chai
  - . Đèn LED bên trong tủ
  - . 02 vùng nhiệt độ 5-10°C và 10-18°C
  - . Bảng điều khiển bằng cảm ứng bên trong tủ
  - . Cửa kính có thể đảo chiều
  - . Tay nắm bằng kim loại
  - . 06 kệ gỗ đựng rượu
  - . Độ ồn 39dB
  - . Loại gas: R600A
  - . Kích thước tổng quát (mm, CxRxS): 820x595x574
- Xuất xứ: PRC**



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.









# MÁY RỬA CHÉN

---

## NHỆ NHÀNG LÀM SẠCH CHÉN DĨA CỦA BẠN





Máy rửa chén Teka không chỉ giúp chén đĩa sạch bóng mà còn tiết kiệm điện, nước cho gia đình bạn



### SẤY TĂNG CƯỜNG

ExtraDry tạo ra nhiệt độ cao trong quá trình làm khô, giúp giảm thiểu đáng kể các hơi nước dư khi rửa. Mang lại kết quả hoàn hảo cho chén đĩa nhà bạn.



### HỆ THỐNG ĐIỀU CHỈNH

Giúp điều chỉnh độ cao của giỏ chén với 03 mức điều khiển để bạn có thể thỏa sức làm sạch mọi loại chén đĩa và đồ dùng nhà bếp.



### CHƯƠNG TRÌNH SẤY TỰ ĐỘNG

Giúp tự động lựa chọn đúng nhiệt độ, chu trình rửa và lượng nước cần thiết để sử dụng tạo ra kết quả hoàn hảo và mức tiêu thụ điện, nước thấp.



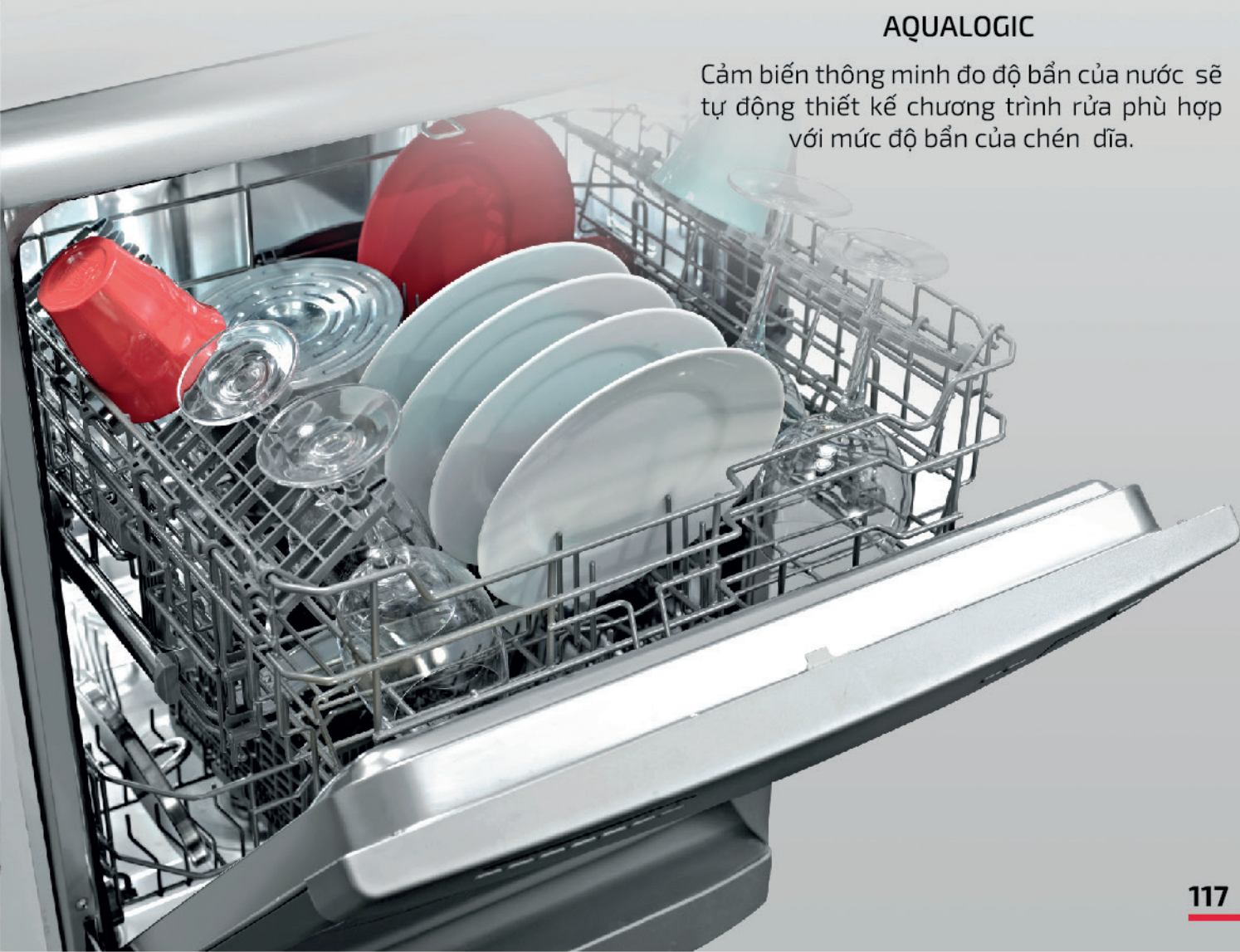
### RỬA NỬA TẢI

Chương trình đem đến cho bạn 03 tùy chọn theo số lượng chén đĩa mà bạn cần rửa.



### AQUALOGIC

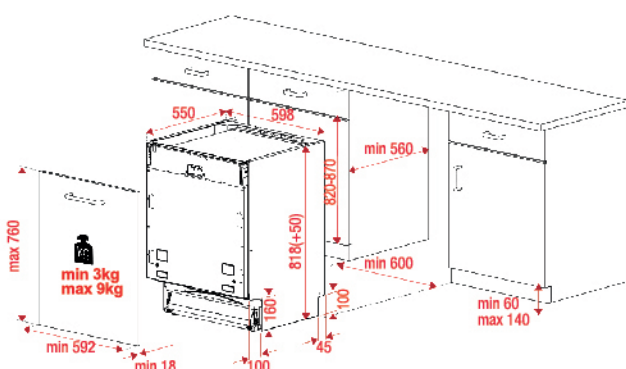
Cảm biến thông minh đo độ bẩn của nước sẽ tự động thiết kế chương trình rửa phù hợp với mức độ bẩn của chén đĩa.



## MAESTRO DFI 76950

Code: 114260004

Giá: 29.909.000 VNĐ



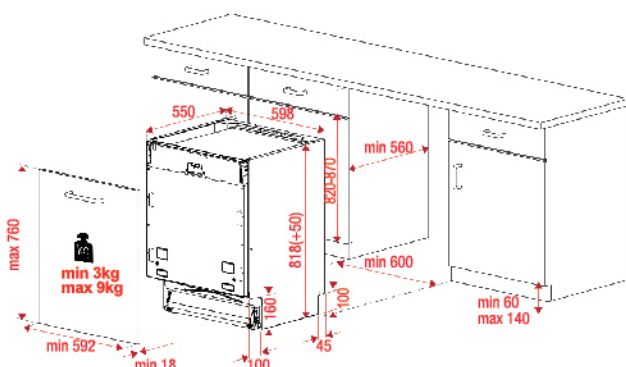
- . Máy rửa chén lắp âm toàn phần
- . Dung tích: 15 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử với màn hình hiển thị
- . 09 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 35°, 40°, 45°, 50°, 65°, 70°C
- . Động cơ inverter giúp tiết kiệm năng lượng
- . 03 dàn để chén đĩa
- . Đèn LED báo chương trình rửa xuống sàn nhà
- . Cảm biến thông minh đo độ bẩn của nước Aqualogic
- . Chương trình rửa nhanh 30 phút
- . Chương trình rửa đặc biệt: rửa chén đĩa thủy tinh, rửa kếp, tự động làm sạch, chương trình rửa tự động, rửa tăng cường, chương trình rửa tiết kiệm Eco, chương trình rửa 1h, rửa sơ
- . Chức năng rửa nửa tải
- . Hệ thống mở tự động PremiumDry
- . Đèn báo muối và chất trợ xả
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Hệ thống an toàn cảm biến độc rò rỉ nước Aquastop và Aquasafe
- . Mở cửa tự động khi kết thúc chương trình rửa
- . Chức năng khử khuẩn bằng ionclean
- . Thiết bị hỗ trợ lắp đặt cửa trượt
- . Độ ồn 46 dB

**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ

## TOTAL DFI 46950

Code: 114270001

Giá: 27.489.000 VNĐ



- . Máy rửa chén lắp âm toàn phần
- . Dung tích: 15 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử với màn hình hiển thị
- . 09 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 35°, 40°, 45°, 50°, 65°, 70°C
- . Động cơ inverter giúp tiết kiệm năng lượng
- . 03 dàn để chén đĩa
- . Đèn LED báo chương trình rửa xuống sàn nhà
- . Cảm biến thông minh đo độ bẩn của nước Aqualogic
- . Chương trình rửa nhanh 30 phút
- . Chương trình rửa đặc biệt: rửa chén đĩa thủy tinh, rửa kếp, tự động làm sạch, chương trình rửa tự động, rửa tăng cường, chương trình rửa tiết kiệm Eco, chương trình rửa 1h, rửa sơ
- . Chức năng rửa nửa tải
- . Chức năng sấy tăng cường
- . Đèn báo muối và chất trợ xả
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Hệ thống an toàn cảm biến độc rò rỉ nước Aquastop và Aquasafe
- . Thiết bị hỗ trợ lắp đặt cửa trượt
- . Độ ồn 46 dB

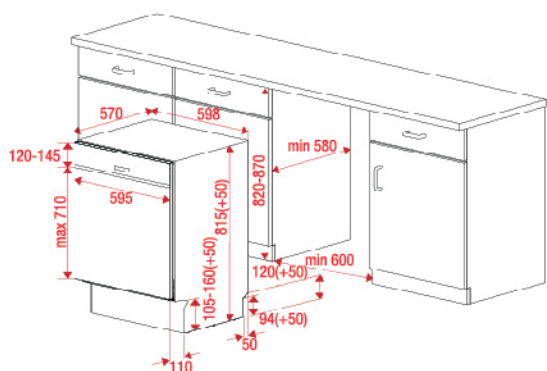
**Xuất xứ:** Thổ Nhĩ Kỳ



## MAESTRO DSI 76850 SS

Code: 114260009

**Giá: 28.919.000 VNĐ**



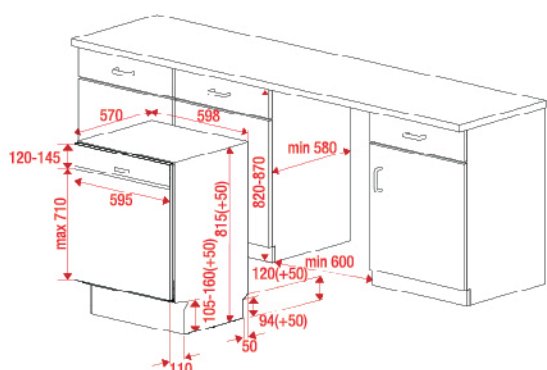
- . Máy rửa chén lắp âm bán phần
- . Dung tích: 14 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử bằng nút nhấn
- . 08 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 50°, 55°, 60°, 65°, 70°C
- . 02 dàn để chén đĩa + 1 dàn để muỗng đũa
- . Cảm biến thông minh đo độ bẩn của nước Aqualogic
- . Chương trình rửa đặc biệt: tự động làm sạch, chương trình rửa tự động, chương trình rửa tiết kiệm Eco, chương trình rửa 1h, chương trình rửa im lặng, ngâm/rửa sơ
- . Tính năng sấy tăng cường
- . Chức năng khử khuẩn bằng ionClean
- . Hệ thống an toàn cảm biến độ rò rỉ nước Aquastop và Aquasafe
- . Giỏ chén đĩa phía trên có thể điều chỉnh
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Ngăn trượt chứa nước rửa
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Độ ồn 44 dB

**Xuất xứ: PRC**

## TOTAL DSI 46750 SS

Code: 114270011

**Giá: 21.989.000 VNĐ**



- . Máy rửa chén lắp âm bán phần
- . Dung tích: 13 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử bằng nút nhấn
- . 07 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 45°, 55°, 60°, 65°, 70°C
- . 02 dàn để chén đĩa + 01 dàn để muỗng đũa
- . Cảm biến thông minh đo độ bẩn của nước Aqualogic
- . Chương trình rửa đặc biệt: rửa tự động, vệ sinh máy tự động, rửa tăng cường, rửa tiết kiệm Eco, rửa 1h, chương trình rửa im lặng
- . Chức năng rửa nửa tải
- . Chức năng sấy tăng cường
- . Hệ thống an toàn cảm biến độ rò rỉ nước Aquastop và Aquasafe
- . Đèn báo muối và chất trợ xả
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Độ ồn 47 dB

**Xuất xứ: PRC**

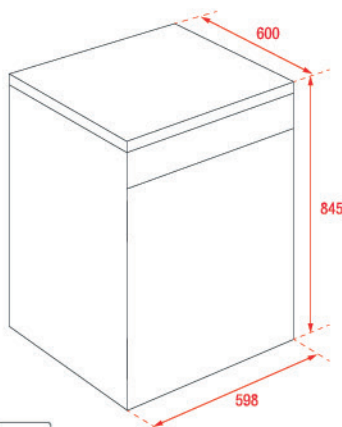
\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.

## MAESTRO DFS 76850

Code: 114260012

**Giá: 25.949.000 VND**



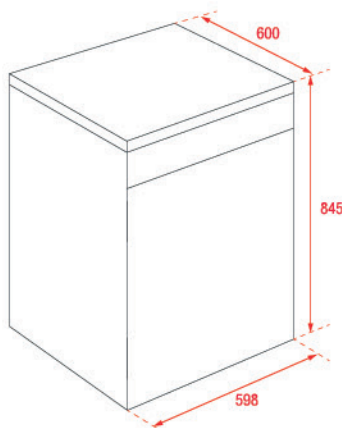
- . Máy rửa chén đứng độc lập
- . Dung tích: 14 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử bằng nút nhấn
- . 08 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 50°, 55°, 60°, 65°, 72°C
- . Động cơ inverter giúp tiết kiệm năng lượng
- . 03 dàn để chén đĩa
- . Mở cửa tự động khi kết thúc chương trình rửa
- . Chương trình rửa đặc biệt: rửa tự động, vệ sinh máy tự động, rửa tăng cường, rửa tiết kiệm Eco, chương trình rửa 1h, khử khuẩn, rửa sơ
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Chức năng khử khuẩn bằng ionClean
- . Chức năng sấy tăng cường ExtraDry
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Hệ thống an toàn cảm biến độ rò rỉ nước Aquastop và Aquasafe
- . Đèn báo muối và chất trợ xả
- . Độ ồn 42 dB

**Xuất xứ: PRC**

## MAESTRO DFS 26610 SS

Code: 114280003

**Giá: 18.909.000 VND**



- . Máy rửa chén đứng độc lập
- . Dung tích: 12 bộ chén đĩa
- . Bảng điều khiển điện tử bằng nút nhấn
- . 08 chương trình rửa với các mức nhiệt độ 45°, 50°, 55°, 60°, 65°C
- . Chương trình rửa đặc biệt: chương trình rửa chén đĩa thủy tinh, rửa tăng cường, rửa tiết kiệm Eco, chương trình rửa 1h, chương trình rửa im lặng
- . Chức năng sấy tăng cường
- . Chức năng rửa nửa tải
- . Chương trình trì hoãn hoạt động 1-24h
- . Hệ thống ngắt nước an toàn Aquasafe
- . Khóa an toàn trẻ em
- . Độ ồn 49 dB

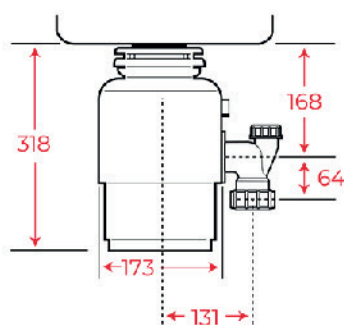
**Xuất xứ: PRC**



## MÁY HỦY RÁC TR 550

Code: 115890013

Giá: 10.270.000 VNĐ



- . Máy hủy thực phẩm thừa
- . Hệ thống nghiền bằng thép không gỉ, thực hiện nghiền liên tục
- . Chống ăn mòn
- . Công nghệ giảm âm
- . Kèm theo bộ chặn rác
- . Khoảng nghiền dung tích lớn: 980ml
- . Phụ kiện đi kèm: bộ công tắc khí và ống dẫn khí
- . Công suất động cơ: 0.55hp (380W)

**Xuất xứ:** Mỹ



\* Giá niêm yết đã bao gồm VAT

\* Các thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể thay đổi mà không cần phải báo trước.



## LÒ NƯỚNG



### MỨC NĂNG LƯỢNG A+

Tiết kiệm 20% điện năng tiêu thụ nhưng vẫn đạt được hiệu quả sử dụng.



### VỆ SINH KÉP

Hai chế độ vệ sinh: Hydroclean và Pyrolysis.



### VỆ SINH BẰNG HƠI NƯỚC HYDROCLEAN

Chức năng vệ sinh thông dụng nhất. Chỉ cần đổ 1 ly nước vào phần đáy lò khi nguội, chọn chức năng Hydroclean và điều chỉnh nhiệt độ để lò hoạt động.



### VỆ SINH BẰNG NHIỆT PHÂN PYROLYSIS

Chức năng làm sạch lò bằng nhiệt độ cao. Các chất dư thừa bám trên thành lò sẽ bị nhiệt phân ở mức nhiệt độ cao và bạn có thể dùng khăn ẩm để lau sạch chúng khi lò đã nguội hoàn toàn.



### HỆ THỐNG RAY TRƯỢT KHAY NƯỚNG

Hệ thống ray trượt sẽ giúp bạn lấy khay nướng ra một cách dễ dàng và đơn giản, tránh được các rủi ro về bỏng cho người sử dụng.



### CỬA LÒ GIẢM CHẤN SOFT CLOSE

Chức năng này đảm bảo cửa lò đóng chặt và êm ái hơn mỗi khi bạn sử dụng, không phải lo lắng vấn đề tiếng ồn trong nhà bếp.



### HƠI NÓNG ĐA CHIỀU SURROUNDTEMP

Các dòng nhiệt được phân phối đều với bất kì chức năng nấu nào.



### QUE ĐO ĐỘ CHÍN THỰC PHẨM

Dụng cụ này sẽ giúp bạn biết nhiệt độ của thực phẩm khi đang nấu để đảm bảo đủ độ chín mong muốn.



### KHAY HẤP STEAMBOX

Khay nấu đa năng có thể biến lò nướng thành lò hấp, chiên hoặc xào nhờ các phụ kiện hỗ trợ.



### RÃ ĐÔNG THEO THỜI GIAN

Chức năng này luôn hoạt động ở mức công suất cố định. Đối với những model điều khiển điện tử và cảm ứng bạn có thể lựa chọn mức công suất khác nhau để có hiệu quả rã đông cao hơn.



### RÃ ĐÔNG THEO KHỐI LƯỢNG

Chức năng này có ở các model điều khiển bằng điện tử và cảm ứng. Lò sẽ tính toán thời gian hợp lý để rã đông thực phẩm, tùy thuộc vào loại và khối lượng thực phẩm.

## LÒ VI SÓNG



### ĐÁY LÒ BẰNG CERAMIC

Giúp nhiệt bên trong phân bố đều hơn, nấu nhanh hơn.



### RÃ ĐÔNG THEO THỜI GIAN

Chức năng này luôn hoạt động ở mức công suất cố định. Đối với những model điều khiển điện tử và cảm ứng bạn có thể lựa chọn mức công suất khác nhau để có hiệu quả rã đông cao hơn.



### RÃ ĐÔNG THEO KHỐI LƯỢNG

Chức năng này có ở các model điều khiển bằng điện tử và cảm ứng. Lò sẽ tính toán thời gian hợp lý để rã đông thực phẩm, tùy thuộc vào loại và khối lượng thực phẩm.



## LÒ VI SÓNG



### CHỨC NĂNG NẤU TỰ ĐỘNG

Chỉ cần chọn nguyên liệu và trọng lượng, lò vi sóng sẽ tự động điều chỉnh thời gian, nhiệt độ và công suất nấu phù hợp để có thể làm chín thực phẩm.



### MỞ CỬA BẰNG ĐIỆN TỬ

Cửa lò sẽ được mở bằng điện tử bằng cách nhấn giữ trong 3s. Tùy thuộc vào model mà cửa lò sẽ mở bên trái hay bên phải.

## MÁY PHA CÀ PHÊ



### CÀ PHÊ BỘT



### CÀ PHÊ VIÊN NÉN

## BẾP ĐIỆN TỬ - GAS



### ĐIỀU KHIỂN DẠNG TRƯỢT

Điều chỉnh mức công suất nấu nhanh hơn chỉ với 1 cái chạm tay.



### CHỨC NĂNG TĂNG CƯỜNG CÔNG SUẤT POWER PLUS

Chức năng này cho phép mức công suất của vùng nấu được chọn tăng thêm 70% trong vòng 10 phút.



### CHỨC NĂNG KHÓA AN TOÀN

Chức năng được thiết kế đặc biệt để đảm bảo an toàn cho người sử dụng.



### CHỨC NĂNG ĐỒNG BỘ

Cho phép 2 vùng nấu có thể kết nối cùng lúc với nhau để tạo 1 vùng nấu lớn hơn.



### DỄ DÀNG LẮP ĐẶT

Việc lắp đặt sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn với thiết kế nhỏ gọn và các phụ kiện đi kèm.



### CẢM ỨNG TRƯỢT ĐA ĐIỂM

Chỉ cần trượt nhẹ trên bảng điều khiển để lựa chọn mức công suất nấu.



### FLEXZONE, VÙNG NẤU LINH HOẠT

Bề mặt bếp từ lên đến 38x28cm, bạn có thể nấu cùng lúc nhiều xoong/ nồi hoặc xoong/ nồi có kích thước lớn mà không lãng phí năng lượng.



### EXACTFLAME - ĐẦU ĐỐT HIỆU QUẢ CAO

Công nghệ đánh lửa tiên tiến tạo ngọn lửa xanh giảm thiểu lượng gas tiêu thụ và lượng khí thải carbon tạo ra khi nấu.



### ĐÁNH LỬA TỰ ĐỘNG

Sứ đánh lửa được lắp trong bát chia lửa sẽ đánh tia lửa tự động, bạn sẽ không phải mồi lửa theo cách truyền thống.

## MÁY HÚT MÙI



### HẸN GIỜ TẮT MÁY

Nhờ chức năng này hút mùi sẽ tự động tắt sau khi đã hoạt động hết thời gian đã cài đặt trước đó.



### ĐÈN LED CHIẾU SÁNG

Hệ thống đèn LED sẽ mang lại hiệu quả chiếu sáng cao hơn.



### CHỨC NĂNG FRESHAIR

Tính năng làm tươi mát không khí. Làm mới không khí nhà bếp của bạn trong 24 giờ, trong chu kỳ 10 phút với 50 phút dừng lại.



### HỆ THỐNG HÚT THEO CHU VI ĐƯỜNG VIỀN

Giã tăng công suất hút, giảm thiểu độ ồn (chỉ khoảng 40dB)

## TỦ LẠNH



### NGĂN ĐỰNG THỰC PHẨM TƯƠI

Ngăn này có độ ẩm luôn ổn định giúp cho thực phẩm tươi sống lâu hơn.



### KHỬ MÙI VÀ KHỬ KHUẨN IONCLEAN

Công nghệ Ionclean tạo ra các ion âm giúp vô hiệu hóa vi khuẩn và các phân tử gây ra mùi hôi.



### CÔNG NGHỆ KHÔNG ĐÓNG TUYẾT

Chức năng này sẽ ngăn chặn sự hình thành tuyết bám trên lưng tủ và thực phẩm.



### ĐỘNG CƠ INVERTER

Tiết kiệm điện năng tiêu thụ, giảm tiếng ồn hiệu quả với mức năng lượng A++.



### CHỨC NĂNG NGHỈ LỄ

Chức năng phù hợp để cài đặt tủ lạnh khi không sử dụng tủ trong 1 khoảng thời gian dài, để đảm bảo không phát sinh mùi hôi và tiết kiệm điện.



### QUẦY BAR TRÊN CỬA

Ngăn bar trên cửa cho phép lấy thực phẩm, đá hoặc nước một cách nhanh chóng và dễ dàng chỉ 1 lần chạm.



### CHỨC NĂNG ECO

Chức năng này sẽ cài đặt mức nhiệt độ tối ưu nhất cho ngăn mát ở 6°C và ngăn đông là -18°C.



### NGĂN ĐÔNG MỀM

Ngăn này có nhiệt độ từ 0-3°C giúp giữ thực phẩm tươi ngon, có thể chế biến ngay mà không mất thời gian rã đông.



## MÁY RỬA CHÉN



### ĐÈN LED BÁO CHƯƠNG TRÌNH RỬA XUỐNG SÀN

Đối với các model lắp âm toàn phần, đèn báo hiển thị trên mặt sàn sẽ giúp nhận biết chương trình đã kết thúc.



### CHỨC NĂNG ECO

Chương trình đặc biệt giúp tiết kiệm điện tiêu thụ.



### GIỎ THỨ 3

Bạn có thể dùng giỏ này để đựng dao kéo hoặc ly tách cần rửa.



### CHỨC NĂNG SẤY TĂNG CƯỜNG EXTRADRY

ExtraDry tạo ra nhiệt độ cao trong quá trình sấy khô, giúp giảm thiểu hơi nước dư khi rửa.



### CHỨC NĂNG 3IN1

Sử dụng viên nén gồm 03 thành phần muối, chất trợ xả và chất làm bóng.



### CỬA TRƯỢT SLIDING DOOR

Giúp bạn dễ dàng mở cửa máy đến góc 90 độ theo nguyên lý: khi bạn mở cửa máy thì phần cửa cũng sẽ linh động đi chuyển trượt theo đến 90 độ.



### AQUALOGIC - CẢM BIẾN THÔNG MINH ĐO ĐỘ BẮN CỦA NƯỚC

Nhờ cảm biến này thì máy sẽ tự động thiết kế chương trình rửa phù hợp với mức độ bẩn của chén đĩa.



### HỆ THỐNG MỞ CỬA TỰ ĐỘNG

Sau khi kết thúc chương trình rửa cửa máy sẽ tự động hé mở để hạn chế việc hơi nước tồn đọng lại do chênh lệch nhiệt độ trên chén đĩa sau khi chu trình rửa kết thúc.





